

BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN**  
**VỀ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI ĐẠO TIN LÀNH**  
**Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

HÀ NỘI – 2006



# CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

## I. KHÁI QUÁT MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

1. Do những đặc điểm riêng về địa lý, dân cư, lịch sử, văn hóa,... Việt Nam là một quốc gia có nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo. Các tôn giáo ở Việt Nam có tôn giáo ổn định về tổ chức và nề nếp sinh hoạt tôn giáo, đã có đường hướng tiến bộ, có tôn giáo hoạt động chưa ổn định, đang xây dựng đường hướng mới. Theo thống kê ban đầu của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2004, cả nước hiện nay có gần hai mươi triệu tín đồ của sáu tôn giáo, chiếm 25% dân số. Cụ thể từng tôn giáo như sau:

- Phật giáo:	9.038.064 tín đồ;
- Công giáo:	5.624.492 tín đồ;
- Cao đài:	2.376.987 tín đồ;
- Phật giáo Hòa Hảo:	1.332.572 tín đồ;
- Tin lành:	601.248 tín đồ;
- Hồi giáo:	70.000 tín đồ.

✶ Thực tế trên đặt ra cho Đảng và Nhà nước ta phải có chủ trương, chính sách một cách thỏa đáng đối với tôn giáo nói chung và đối với từng tôn giáo nói riêng.

2. Ở Việt Nam có một bộ phận đông đảo các dân tộc thiểu số ở ba khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ theo tôn giáo. Đặc biệt thời gian gần đây, đạo Tin lành, đạo Công giáo thâm nhập và tăng cường truyền giáo tới vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, Tây Bắc. Theo thống kê vào tháng 9 - 2005 của Ban Tôn giáo Chính phủ hiện nay ở Tây Nguyên có 361.449 người dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành và 165.264 người dân tộc thiểu số theo đạo Công giáo; ở Tây Bắc có khoảng 100.000 người Mông theo đạo Tin lành (dưới tên gọi Vàng Chứ) và khoảng 10.000 người Dao theo đạo Tin lành (dưới tên gọi Thìn Hùng).

Việc một bộ phận đông đảo dân tộc thiểu số theo các tôn giáo đặt ra cho chúng ta là cùng một lúc phải giải quyết cả hai vấn đề vốn rất phức tạp, nhạy cảm là dân tộc và tôn giáo.

3. Tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam đa số là nông dân lao động, trong đó chủ yếu là nông dân, có tinh thần yêu nước. Đồng thời họ cũng có niềm tin tôn giáo sâu sắc và có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo bình thường. Cho nên tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam vừa gắn bó với dân tộc, đất nước, đi theo sự lãnh đạo của Đảng và đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của toàn dân, vừa duy trì các sinh hoạt tôn giáo, gắn bó với giáo hội theo phương châm "tốt đời đẹp đạo". Tuy nhiên, đời sống

dân sinh, trình độ dân trí ở một số vùng đồng bào tôn giáo còn thấp so với mặt bằng chung. Đặc biệt, ở một số nơi do lịch sử để lại, một bộ phận tín đồ còn tư tưởng thành kiến, mặc cảm với cách mạng.

Vấn đề đặt ra đối với công tác tôn giáo là phải phát huy mặt tích cực trong tín đồ các tôn giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của tín đồ. Đồng thời từng bước khóa lấp những mặc cảm, thành kiến với cách mạng do lịch sử để lại.

4. Ở Việt Nam có một lực lượng chức sắc, nhà tu hành - những người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp - khá đông đảo. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2003, cả nước có 56.000 chức sắc, nhà tu hành của sáu tôn giáo. Cụ thể như: Phật giáo 33.066; Công giáo 14.889; Cao đài 7.104; Tin lành 394; Hồi giáo 699;... Ngoài ra còn có khoảng trên dưới 100 ngàn chức việc là tín đồ hoạt động tôn giáo "không chuyên nghiệp" ở cơ sở của các tôn giáo như Ban Chấp hành giáo xứ của Công giáo, Ban Hộ tự của Phật giáo, Ban Cai quản đạo của Cao đài, Ban Chấp sự của Tin lành,...

Chức sắc, nhà tu hành, chức việc đang hoạt động trong các tổ chức giáo hội là lực lượng quan trọng để Nhà nước thực hiện việc quản lý đối với hoạt động tôn giáo, và cũng thông qua lực lượng này để hướng dẫn quản lý theo pháp luật các sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của tín đồ.

5. Ở Việt Nam, các tôn giáo có mối quan hệ quốc tế rộng rãi. Giáo hội Công giáo Việt Nam trong mối quan hệ về mặt tổ chức là bộ phận của Giáo hội Công giáo hoàn vũ do Giáo triều Vatican lãnh đạo điều hành. Giáo hội Công giáo có khoảng 1,1 tỷ tín đồ, có mặt ở hầu hết các nước trên thế giới. Các hệ phái Tin lành ở Việt Nam có mối quan hệ đa chiều với các tổ chức Tin lành quốc tế, nhất là với Tin lành Bắc Âu, Tin lành Mỹ và Tin lành Hàn Quốc, vừa quan hệ về mặt tổ chức theo hệ thống, vừa quan hệ theo tinh thần đồng đạo theo xu hướng "đại kết" Ki-tô giáo. (Đạo Tin lành trên thế giới có khoảng 550 triệu tín đồ với 280 hệ phái, tập trung chủ yếu ở các nước công nghiệp phát triển: Tây Âu, Bắc Âu, Bắc Mỹ). Ngoài những mối quan hệ nói trên, các tôn giáo ở Việt Nam còn chịu sự tác động của các tổ chức, cá nhân tôn giáo của người Việt Nam ở nước ngoài (hiện nay có khoảng 2 triệu người Việt Nam ở nước ngoài mà đa số là tín đồ, chức sắc của các tôn giáo).

✶ Vấn đề quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo như nói trên, sẽ phải được xem xét giải quyết tương xứng với đường lối đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước ta, và xu hướng toàn cầu hóa, quốc tế hóa các vấn đề kinh tế, xã hội.

6. Trước đây, xâm lược và thống trị nước ta, các thế lực đế quốc đều tìm cách lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích chính trị phản động của chúng. Việc lợi dụng tôn giáo của các thế lực đế quốc đã và đang để lại nhiều hậu quả mà chúng ta phải giải quyết. Ngày nay, Mỹ và các thế lực thù địch ở trong nước và ngoài nước đang thực hiện chiến lược diễn biến hòa bình, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo gắn với nhân quyền để chống phá cách mạng nước ta. Mỹ đang lợi dụng một số tổ chức quốc tế xuyên tạc tình hình tôn giáo trong nước, vu khống ta hạn chế, đàn áp tôn giáo; đồng thời cố gắng tạo ra những hành lang pháp lý để thông qua đó can thiệp vào vấn đề tôn giáo ở nước ta. Chỉ trong thời gian ngắn, Mỹ đã đơn phương đưa ra các dự luật gọi là nhân quyền - tôn giáo liên quan đến Việt Nam. Mỹ cũng đang tìm cách tập hợp, hỗ trợ các phần tử xấu và cực đoan trong các tôn giáo để gây mất ổn

định tình hình tôn giáo ở trong nước.

Tình hình trên đặt ra cho công tác tôn giáo vừa đảm bảo nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng tín đồ, vừa phải cảnh giác đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của Mỹ và các thế lực thù địch trong việc lợi dụng vấn đề tôn giáo chống phá Đảng và Nhà nước ta.

## II. NHỮNG QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

*\* Một số văn kiện:*

+ Chỉ thị số 37 CT/TW ngày 02 tháng 7 năm 1998 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới.

+ Nghị quyết số 25 NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo.

+ Quyết định số 125/2003/QĐ-TTg của Chính phủ về chương trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

+ Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Nghị định số 22/2005/NĐ-CP, ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg, ngày 04/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành.

Các văn kiện trên đây thể hiện quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước ta đối với công tác tôn giáo.

*\* Nội dung cụ thể như sau:*

### 1. Về phương hướng

Hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo trong giai đoạn mới phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

### 2. Về quan điểm, chính sách

Một là, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

Hai là, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, không

phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

*Ba là*, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo phải đồng viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất Tổ quốc thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào các tôn giáo.

*Bốn là*, công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nước ta hiện nay có hàng chục triệu tín đồ, chức sắc, nhà tu hành của các tôn giáo, phân bố ở mọi vùng, miền, địa phương trong cả nước. Vì vậy, công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và nhiều cấp, nhiều ngành.

Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo là lực lượng tham mưu nòng cốt. Tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo cần được củng cố, kiện toàn, nhất là ở những địa bàn trọng điểm có đông đồng bào tôn giáo. Công tác tôn giáo thực chất là công tác vận động quần chúng. Công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ, chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

*Năm là*, vấn đề theo đạo và truyền đạo.

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo,.. của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi

phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

### III. NHỮNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỤ THỂ ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

Ngày 18 tháng 6 năm 2004 Thường vụ Quốc hội khóa XI đã thông qua *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo*. Sau đó, ngày 29 tháng 6 năm 2004 Chủ tịch nước Trần Đức Lương ký Lệnh công bố *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo*. *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* gồm VI chương với 41 điều. Cụ thể:

**Chương I - Những quy định chung**, gồm 8 điều (từ điều 1 đến điều 8), trong đó nêu nguyên tắc của *Pháp lệnh* thể hiện tinh thần đổi mới của Đảng và của Hiến pháp về tín ngưỡng tôn giáo, trên căn bản tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

**Chương II - Hoạt động tín ngưỡng của người có tín ngưỡng và hoạt động tôn giáo của tín đồ, nhà tu hành, chức sắc**, gồm 7 điều (từ điều 9 đến điều 15) quy định cụ thể về sinh hoạt tín ngưỡng của người có tín ngưỡng, về sinh hoạt tôn giáo của tín đồ các tôn giáo và hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành.

**Chương III - Tổ chức tôn giáo và hoạt động của tổ chức tôn giáo**, gồm 10 điều (từ điều 16 đến điều 25). Đây là chương trọng tâm của *Pháp lệnh* đề cập đến các vấn đề như đăng ký và công nhận tư cách pháp nhân tổ chức tôn giáo, việc thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, giải tán các tổ chức tôn giáo trực thuộc; việc đăng ký hoạt động của các đồng tu, hội đoàn tôn giáo; việc phong chức, phong phẩm, suy cử, chuyển chức sắc, nhà tu hành các tôn giáo; việc mở trường, lớp đào tạo chức sắc các tôn giáo; việc tổ chức đại hội, hội nghị của các tổ chức tôn giáo.

**Chương IV - Tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và hoạt động xã hội của tổ chức tôn giáo, tín đồ, chức sắc, nhà tu hành**, gồm 8 điều (từ điều 26 đến điều 33) đề cập đến các vấn đề như tài sản của các tổ chức tôn giáo, việc quyên góp, nhận tài sản hiến tặng của các tổ chức tôn giáo, việc xây dựng, di dời cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo; việc xuất bản, in, phát hành kinh sách, ấn phẩm tôn giáo; việc tham gia các hoạt động từ thiện của các cá nhân, tổ chức tôn giáo.

**Chương V - Quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tín đồ, chức sắc, nhà tu hành**, gồm 4 điều (từ điều 34 đến điều 37) quy định những quan hệ của các cá nhân, tổ chức tôn giáo ở Việt Nam với các cá nhân, tổ chức tôn giáo nước ngoài và ngược lại; việc hoạt động tôn giáo của người nước ngoài tại Việt Nam.

**Chương VI - Điều khoản thi hành**, gồm 4 điều (từ điều 38 đến điều 41) nói về giải quyết trường hợp xung đột pháp lý giữa *Pháp lệnh* với các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập; về việc hướng dẫn thi hành *Pháp lệnh* và thời gian có hiệu lực của *Pháp lệnh*.

Ngày 01 tháng 3 năm 2005, Chính phủ đã ban hành *Nghị định số 22/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*. So với *Nghị định 26/1999/NĐ/CP* ngày 19 tháng 4 năm 1999 của Chính phủ và các quy phạm pháp luật về tôn giáo trước đây, *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* và *Nghị*



định 22/NĐ-CP có nhiều điểm mới. Cụ thể như sau:

## 1. Về phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này không chỉ điều chỉnh các *hoạt động tôn giáo* mà còn điều chỉnh *hoạt động tín ngưỡng*. Khác với hoạt động tôn giáo, hoạt động tín ngưỡng là loại hình hoạt động không có tổ chức song lại thu hút đại đa số quần chúng nhân dân tham gia. Nhà nước tôn trọng những hoạt động tín ngưỡng lành mạnh, đề cao giá trị nhân văn và truyền thống văn hoá dân tộc, đáp ứng nhu cầu tinh thần của đông đảo quần chúng nhân dân, đồng thời cũng nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng tín ngưỡng hoạt động mê tín dị đoan, thương mại hoá hoạt động tín ngưỡng.

Từ Điều 3 đến Điều 5 Nghị định 22/NĐ-CP nêu khái niệm lễ hội tín ngưỡng; quy định những lễ hội tín ngưỡng khi tổ chức phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và những lễ hội tín ngưỡng chỉ cần thông báo; trình tự, thủ tục, thời hạn chấp thuận lễ hội tín ngưỡng. Những lễ hội tín ngưỡng được tổ chức lần đầu, lễ hội tín ngưỡng lần đầu được khôi phục lại sau nhiều năm gián đoạn, lễ hội tín ngưỡng được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm so với truyền thống, đều phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận. Các trường hợp khác chỉ cần thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã.

## 2. Về việc công nhận tổ chức tôn giáo

Vấn đề công nhận tổ chức tôn giáo không phải là một nội dung mới, tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 26/CP về hoạt động tôn giáo quy định: "*Tổ chức tôn giáo có tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo, cơ cấu tổ chức phù hợp với pháp luật và được Thủ tướng Chính phủ cho phép hoạt động thì được pháp luật bảo hộ*". Tuy nhiên, với quy định mới của Pháp lệnh sẽ mở ra để tiếp tục giải quyết đối với một số tôn giáo, trong đó tiếp tục giải quyết đối với những tôn giáo có đông tín đồ, một số "tôn giáo mới" xuất hiện. Điều này nó tỏ rõ chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân đồng thời nó phù hợp với sự phát triển của xã hội. Cụ thể:

- *Về đăng ký hoạt động, công nhận tổ chức tôn giáo.* Hướng dẫn thi hành Điều 16 Pháp lệnh, từ Điều 6 đến Điều 8 Nghị định 22/NĐ-CP quy định tổ chức trước khi được xem xét công nhận là tổ chức tôn giáo phải đăng ký hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo ổn định trong một thời gian nhất định.

- *Về đăng ký hoạt động tôn giáo,* Điều 6 quy định tổ chức phải có hồ sơ gửi Ban Tôn giáo Chính phủ hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh. Hồ sơ gồm văn bản đăng ký, trong đó nêu rõ tên tổ chức, nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển ở Việt Nam, tôn chỉ, mục đích, phạm vi hoạt động, số lượng tín đồ của tổ chức vào thời điểm đăng ký, dự kiến nơi đặt trụ sở, nơi thờ tự của tổ chức; giáo lý, giáo luật và bản tóm tắt nội dung giáo lý, giáo luật; danh sách dự kiến những người đứng đầu tổ chức, những người này phải là công dân Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự, có uy tín trong tổ chức. Khoản 3, 4 Điều 6 quy định cụ thể thẩm quyền và thời hạn cấp đăng ký hoạt động tôn giáo.

- *Về hoạt động tôn giáo của tổ chức sau khi được cấp đăng ký,* Điều 7 quy định tổ chức được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo được tổ chức các cuộc lễ tôn



giáo, thực hiện lễ nghi, truyền đạo, giảng đạo tại cơ sở tôn giáo đã đăng ký; được bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức, mở lớp bồi dưỡng giáo lý; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình tôn giáo; hoạt động từ thiện nhân đạo. Khi thực hiện các hoạt động tôn giáo nêu trên, tổ chức phải tuân thủ quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Về công nhận tổ chức tôn giáo, Điều 8 quy định tổ chức đã đăng ký phải gửi hồ sơ đến Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm văn bản đề nghị, giáo lý, giáo luật, hiến chương, điều lệ của tổ chức, văn bản xác nhận về hoạt động tôn giáo ổn định của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính và bản đăng ký hoạt động tôn giáo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

### 3. Về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Đây là quy định mới. Theo Điều 17 của Pháp lệnh, tổ chức tôn giáo được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc; Quy định này sẽ tạo điều kiện cho tổ chức tôn giáo tổ chức, sắp xếp lại các tổ chức tôn giáo trực thuộc đáp ứng yêu cầu của hoạt động tôn giáo.

Hướng dẫn thi hành Điều 17 Pháp lệnh, Điều 9 và Điều 10 Nghị định 22/NĐ-CP quy định các điều kiện để được xem xét chấp thuận cho thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc; quy định trình tự, thủ tục, thời hạn xem xét chấp thuận cho thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.

### 4. Về việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử trong tổ chức tôn giáo.

Điều 22 của Pháp lệnh có những thay đổi khá cơ bản. Pháp lệnh coi đây là công việc nội bộ của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo có quyền thực hiện theo hiến chương, điều lệ hoặc giáo luật của tổ chức mình. Hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước phê duyệt nên Nhà nước không can thiệp. Nhà nước chỉ nêu ra các điều kiện về tư cách công dân của những người được xem xét phong chức, phong phẩm, bầu cử, suy cử để tổ chức tôn giáo có sự lựa chọn, quyết định. Sau khi phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những người này để Nhà nước biết, đảm bảo quyền hoạt động tôn giáo hợp pháp cho họ.

Hướng dẫn thi hành Điều 22 Pháp lệnh, Điều 16 và Điều 17 Nghị định 22/NĐ-CP quy định tổ chức tôn giáo có trách nhiệm đăng ký người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, thông báo về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc giữ chức vụ, phẩm trật cao cấp trong tôn giáo với Ban Tôn giáo Chính phủ; những phẩm trật, chức vụ khác thì đăng ký, thông báo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Hồ sơ đăng ký gồm văn bản đăng ký, sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được đăng ký.

Trường hợp phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc có yếu tố nước ngoài phải có sự đồng ý trước của Ban Tôn giáo Chính phủ.

Tổ chức tôn giáo khi cách chức, bãi nhiệm chức sắc thuộc quyền quản lý có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước đã đăng ký chức sắc, trong đó nêu rõ lý do cách chức kèm theo các văn bản có liên quan.

#### **5. Về việc chuyển nơi hoạt động tôn giáo của nhà tu hành, chức sắc.**

Với quy định mới của Pháp lệnh thì vấn đề chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành được thay đổi một cách căn bản. Những trường hợp thông thường tổ chức tôn giáo chỉ có trách nhiệm thông báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi và đăng ký hoạt động tôn giáo với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến. Trường hợp chức sắc, nhà tu hành vi phạm pháp luật về tôn giáo mà bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý hành chính hoặc bị xử lý về hình sự theo quy định của Chính phủ thì khi chuyển ngoài việc thông báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi và sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến.

Hướng dẫn thi hành Điều 23 Pháp lệnh, Điều 18 và Điều 19 Nghị định 22/NĐ-CP quy định tổ chức tôn giáo khi chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi về họ tên, phẩm trật, chức vụ tôn giáo của người được chuyển, lý do chuyển, nơi chuyển đến và quyết định chuyển của tổ chức tôn giáo. Đối với nơi dự định chuyển đến, tổ chức tôn giáo phải đăng ký trước với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Hồ sơ đăng ký gồm văn bản đăng ký, quyết định chuyển của tổ chức tôn giáo, sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được chuyển.

Trường hợp chức sắc, nhà tu hành vi phạm pháp luật về tôn giáo đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị xử lý về hình sự thì hồ sơ chuyển nộp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến.

#### **6. Về Hội đoàn tôn giáo**

Theo quy định mới của Pháp lệnh, Hội đoàn tôn giáo được xác định là một hình thức tập hợp tín đồ do tổ chức tôn giáo lập ra nhằm phục vụ hoạt động tôn giáo. Điều 19 của Pháp lệnh quy định Hội đoàn tôn giáo chỉ được hoạt động sau khi được tổ chức tôn giáo đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tùy theo phạm vi hoạt động của Hội đoàn tôn giáo, tổ chức tôn giáo phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Tôn giáo Chính phủ.

Hướng dẫn thi hành Điều 19, Điều 20 Pháp lệnh, Điều 11 và Điều 12 Nghị định 22/NĐ-CP quy định hồ sơ đăng ký hội đoàn tôn giáo gồm văn bản đăng ký, danh sách những người điều hành hội đoàn, nội quy, quy chế hoặc điều lệ hoạt động của hội đoàn. Những hội đoàn do tổ chức tôn giáo lập ra chỉ nhằm phục vụ lễ nghi tôn giáo, khi hoạt động không phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác, hồ sơ gồm văn bản đăng ký, danh sách tu sĩ, nội quy, quy chế hoặc điều lệ hoạt động của tổ chức.

### **7. Về hoạt động của Dòng tu, Tu viện và các tổ chức tu hành tập thể**

Theo quy định mới của Pháp lệnh, các tổ chức này chỉ cần đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Tôn giáo Chính phủ) là có quyền hoạt động hợp pháp. Những dòng tu, tu viện đã đăng ký trước ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thì không cần đăng ký lại.

- Về đăng ký người vào tu. Hướng dẫn thi hành khoản 2, Điều 21 Pháp lệnh, Điều 22 Nghị định 22/NĐ-CP quy định khi nhận người vào tu, người phụ trách cơ sở tôn giáo phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách người vào tu, sơ yếu lý lịch của người vào tu. Trường hợp người chưa thành niên vào tu phải có ý kiến bằng văn bản của cha mẹ hoặc người giám hộ.

### **8. Về vấn đề tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo**

Pháp lệnh lần này khẳng định những tài sản hợp pháp thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm. Trong đó, đất đai thuộc những cơ sở này được Nhà nước bảo đảm quyền sử dụng ổn định, lâu dài; cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo được quyền quyên góp, nhận tài sản, hiến, tặng, cho để phục vụ hoạt động tôn giáo. Tuy nhiên, việc quyên góp, hiến, tặng, cho phải bảo đảm sự tự nguyện của người đóng góp, tặng, cho; quyền góp phải công khai, rõ mục đích sử dụng và phải thông báo với Ủy ban nhân dân nơi tổ chức quyên góp trước khi thực hiện.

### **9. Về hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của chức sắc, nhà tu hành và tổ chức tôn giáo**

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức tôn giáo tham gia nuôi dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; hỗ trợ cơ sở chăm sóc sức khỏe người nghèo, người tàn tật, người nhiễm HIV - AIDS, bệnh nhân phong, tâm thần; hỗ trợ phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và tham gia các hoạt động khác vì mục đích từ thiện nhân đạo phù hợp với hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật. Chức sắc, nhà tu hành với tư cách công dân tổ chức hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo được nhà nước khuyến khích theo quy định của pháp luật.

Hướng dẫn thi hành khoản 2, Điều 28 Pháp lệnh, Điều 30 Nghị định 22/NĐ-CP quy định cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo trước khi tổ chức quyên góp, tùy theo phạm vi quyên góp phải thông báo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về mục đích, phạm vi, cách thức, thời gian thực hiện quyên góp, cơ chế quản lý, cách thức sử dụng tài sản được quyên góp. Không được lợi dụng danh nghĩa cơ sở, tổ chức tôn giáo để quyên góp phục vụ lợi ích cá nhân hoặc những mục đích trái pháp luật.

Ủy ban nhân dân nơi nhận thông báo có trách nhiệm giám sát việc quyên góp theo nội dung thông báo.

## 10. Về quan hệ quốc tế của tôn giáo

Xuất phát từ chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá các mối quan hệ quốc tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Pháp lệnh chỉ giới hạn các quan hệ quốc tế liên quan đến tổ chức tôn giáo mới cần có sự chấp thuận của chính quyền. Pháp lệnh cũng nói rõ các mối quan hệ quốc tế của tôn giáo phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, các bên cùng có lợi, phù hợp với pháp luật mỗi bên, pháp luật và thông lệ quốc tế, do đó các mối quan hệ quốc tế của các tôn giáo cũng được đổi mới cởi mở.

Hướng dẫn thi hành Điều 35, Điều 36 Pháp lệnh, từ Điều 31 đến Điều 35 Nghị định 22/NĐ-CP quy định về việc mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam để tiến hành các hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế có liên quan đến tôn giáo; tham gia hoạt động tôn giáo ở nước ngoài; tham gia khóa đào tạo tôn giáo ở nước ngoài, tổ chức tôn giáo phải có hồ sơ gửi đến Ban Tôn giáo Chính phủ.

Đối với chức sắc, nhà tu hành xuất cảnh ra nước ngoài không thuộc các trường hợp trên thì thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh (Điều 34).

Điều 35 quy định tổ chức tôn giáo mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo tại cơ sở tôn giáo ở Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Ban Tôn giáo Chính phủ, trong đó nêu rõ tên chức sắc, nhà tu hành, quốc tịch, tên tổ chức tôn giáo nước ngoài, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, người tổ chức, thành phần tham dự.

## 11. Về hoạt động tôn giáo

Hoạt động tôn giáo là việc truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo. Pháp lệnh đã xác định rõ các hoạt động tôn giáo và cách thức thực hiện quản lý Nhà nước đối với các hoạt động này. So với Nghị định 26/NĐ-CP, các biện pháp thực hiện quản lý Nhà nước đối với hoạt động tôn giáo đều được đều được quy định cụ thể hơn.

- Về đăng ký hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở. Hướng dẫn thi hành khoản 1, Điều 12 Pháp lệnh, Điều 20 và Điều 21 nghị định 22/NĐ-CP quy định hàng năm trước ngày 15 tháng 10, người phụ trách tổ chức tôn giáo cơ sở có trách nhiệm gửi bản đăng ký hoạt động tôn giáo sẽ diễn ra vào năm sau đến Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó phải nêu rõ người tổ chức, chủ trì hoạt động, dự kiến thành phần, nội dung hoạt động, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động.

Đối với những hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký thì tùy theo quy mô hoạt động tôn giáo, sự tham gia của tín đồ, phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tổ chức tôn giáo cơ sở phải có văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ người tổ chức, chủ trì hoạt động, dự kiến thành phần, số lượng người tham dự, nội dung hoạt động, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động, các điều kiện đảm bảo.

- Về hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo. Hướng dẫn thi hành Điều 18

Pháp lệnh, từ Điều 23 đến Điều 25 Nghị định 22/NĐ-CP quy định hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo, tùy theo cấp tổ chức phải được sự chấp thuận của Ban Tôn giáo Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trước khi tổ chức hội nghị, đại hội tổ chức tôn giáo phải có văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ lý do tổ chức, dự kiến thành phần, số lượng người tham dự, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức và các văn bản khác có liên quan đến hội nghị, đại hội (Báo cáo hoạt động, hiến chương, điều lệ hoặc hiến chương, điều lệ sửa đổi). Riêng hội nghị, đại hội cấp Trung ương hoặc toàn đạo phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức hội nghị, đại hội.

- Về các cuộc lễ của tổ chức tôn giáo diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo. Hướng dẫn thi hành Điều 25 Pháp lệnh, Điều 26 Nghị định 22/NĐ-CP quy định tổ chức tôn giáo khi tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo phải có văn bản đề nghị gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diễn ra cuộc lễ. Trong đó nêu rõ tên cuộc lễ, người chủ trì, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, quy mô, thành phần tham dự cuộc lễ.

- Về giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo. Hướng dẫn thi hành khoản 2, Điều 11 Pháp lệnh, Điều 27 Nghị định 22/NĐ-CP quy định chức sắc, nhà tu hành giảng đạo, truyền đạo ngoài cơ sở tôn giáo phải có văn bản đề nghị gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến chức sắc, nhà tu hành thực hiện. Kèm theo văn bản đề nghị có ý kiến của tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức tôn giáo trực tiếp quản lý về việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành.

- Về việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tôn giáo. Hướng dẫn thi hành Điều 30 Pháp lệnh, Điều 28 và Điều 29 Nghị định 22/NĐ-CP quy định việc sửa chữa, cải tạo công trình tôn giáo không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực và an toàn của công trình thì khi sửa chữa, cải tạo không phải xin cấp giấy phép xây dựng nhưng trước khi sửa chữa, cải tạo người phụ trách cơ sở tôn giáo phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại.

Trường hợp sửa chữa, cải tạo công trình tôn giáo làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực và an toàn của công trình, xây dựng mới công trình tôn giáo, người phụ trách cơ sở tôn giáo phải làm hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Hồ sơ gồm đơn xin cấp giấy phép xây dựng; bản vẽ thiết kế xây dựng công trình; giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh.

- Về thành lập, giải thể trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo. Hướng dẫn thi hành Điều 24 Pháp lệnh, từ Điều 13 đến Điều 15 Nghị định 22/NĐ-CP quy định tổ chức tôn giáo thành lập trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo phải có hồ sơ gửi Thủ tướng Chính phủ.

Hồ sơ gồm văn bản đề nghị thành lập trường; đề án thành lập trường, trong



đó nêu rõ tên tổ chức tôn giáo đề nghị thành lập, tên trường, dự kiến địa điểm đặt trường, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, quy mô, chương trình giảng dạy, dự thảo quy chế hoạt động, dự thảo quy chế tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, dự kiến ban giám hiệu, ban giám đốc, đội ngũ giáo viên, danh sách trích ngang của những người dự kiến trong ban giám hiệu, ban giám đốc, khả năng đảm bảo về tài chính, cơ sở vật chất để trường hoạt động, hồ sơ về đất xây dựng; ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến địa điểm đặt trường.

Trong quá trình hoạt động, khi tổ chức tôn giáo tự giải thể trường phải gửi văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ, trong đó nêu rõ lý do, phương thức giải thể và việc xử lý đất đai, tài sản khi giải thể.

Đối với việc mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở lớp. Trong đó nêu rõ tên lớp, địa điểm mở lớp, nhu cầu mở lớp, thời gian học, nội dung, chương trình, thành phần tham dự, danh sách giảng viên.

### **12. Về việc đình chỉ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo**

Theo Điều 15 của Pháp lệnh, *hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo* có thể bị đình chỉ nếu vi phạm một trong các trường hợp: xâm phạm an ninh quốc gia, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng hoặc môi trường; xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác hoặc có những hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng khác. Quy định này là cơ sở pháp lý quan trọng cho phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo khi nó diễn ra mà xâm phạm, ảnh hưởng, tác động xấu đến các quan hệ xã hội được Nhà nước bảo vệ.

Về việc chế tài xử phạt các hoạt động vi phạm, ngoài nội dung xử lý đối với những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vì mục đích chính trị xấu, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vào mục đích mê tín dị đoan như trước đây, Pháp lệnh còn nói đến việc xử lý đối với những ai phân biệt đối xử với lý do tín ngưỡng, tôn giáo; vi phạm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của công dân

### **13. Về hình thức quản lý và hiệu lực của Pháp lệnh.**

Trong quản lý hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo có 3 hình thức: Thông báo, đăng ký và xin phép (phải có sự chấp thuận của chính quyền). Nếu như trước đây hình thức xin phép là chính thì nay với Pháp lệnh này, hình thức thông báo và đăng ký là chủ yếu. Những sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo bình thường của nhân dân, những hoạt động tôn giáo bình thường của chức sắc, nhà tu hành được tôn trọng và đảm bảo không phải xin phép. Việc xin phép chủ yếu được áp dụng đối với hoạt động về mặt tổ chức của tổ chức giáo hội như công nhận tư cách pháp nhân tổ chức tôn giáo, việc tổ chức hội nghị, đại hội, việc mở trường đào tạo chức sắc, việc xây dựng nơi thờ tự, cơ sở tôn giáo, ... Những việc này được áp dụng tương tự như với các tổ chức đoàn thể xã hội khác.

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo là văn bản lập pháp, so với Nghị định 26 là văn bản hành pháp, nên Pháp lệnh tính *thống nhất và hiệu lực* rất cao. Pháp lệnh sẽ được thống nhất thực hiện và có hiệu lực trên phạm vi cả nước và đối với tất cả các tầng lớp nhân dân.

#### IV. THẨM QUYỀN CỤ THỂ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÔN GIÁO

Theo Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định 22/2005/NĐ-CP, công tác quản lý Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay có 44 nội dung công việc thuộc các lĩnh vực như: tiếp nhận thông báo hoạt động, tiếp nhận đăng ký hoạt động để quản lý, cấp phép đăng ký hoạt động, cho phép tổ chức hoạt động, được thực hiện ở 4 cấp quản lý: cấp Trung ương là Chính phủ và Ban Tôn giáo Chính phủ, cấp tỉnh là UBND tỉnh và Ban Tôn giáo tỉnh, cấp huyện là UBND huyện và cấp xã là UBND xã. Cụ thể từng công việc và cấp quản lý như sau:

**1. Thủ tướng Chính phủ:** Có 04 nội dung công việc (01 công nhận, 02 chấp thuận, 01 tiếp nhận thông báo):

- Công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố (Điều 8 khoản 3 điểm a).

- Chấp thuận thành lập, chia tách, sáp nhập hợp nhất tổ chức tôn giáo (Điều 10 khoản 3 điểm a).

- Chấp thuận thành lập trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo (Điều 13).

- Tiếp nhận thông báo giải thể trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo (Điều 14).

**2. Ban Tôn giáo Chính phủ:** Có 11 nội dung công việc (02 cấp đăng ký; 06 chấp thuận; 02 tiếp nhận đăng ký; 01 tiếp nhận thông báo).

- Cấp đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố (Điều 6 khoản 4 điểm a).

- Tiếp nhận đăng ký hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động nhiều tỉnh, thành phố (Điều 11 khoản 4).

- Cấp đăng ký cho dòng tu, tu viện và tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động nhiều tỉnh, thành phố (Điều 12 khoản 3).

- Chấp thuận trường hợp phong chức, phong phẩm... có yếu tố nước ngoài (Điều 16 khoản 4).

- Tiếp nhận đăng ký người được phong chức, phong phẩm (Điều 16 khoản 5 điểm a).

- Tiếp nhận thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo (Điều 17).

- Chấp thuận hội nghị đại hội cấp trung ương, toàn đạo (Điều 24 khoản 3).

- Chấp thuận việc mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam (Điều 31 khoản 3).

- Chấp thuận việc tham gia hoạt động tôn giáo ở nước ngoài (Điều 32



khoản 3).

- Chấp thuận việc tham gia khóa đào tạo tôn giáo ở nước ngoài (Điều 33 khoản 3).

- Chấp thuận việc giảng đạo của chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài ở Việt Nam (Điều 35 khoản 2).

**3. Ủy ban nhân dân và Ban Tôn giáo cấp tỉnh:** Có 15 nội dung công việc (01 công nhận; 08 chấp thuận; 02 cấp đăng ký; 02 tiếp nhận đăng ký; 02 tiếp nhận thông báo).

- Chấp thuận việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng quy định tại Điều 4 khoản 1 (Điều 5 khoản 3).

- Cấp đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có phạm vi hoạt động ở một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Điều 6 khoản 4 điểm b).

- Công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở một tỉnh, thành phố (Điều 8 khoản 3 điểm b).

- Chấp thuận việc thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo cơ sở (Điều 10 khoản 3 điểm b).

- Tiếp nhận đăng ký hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh (Điều 11 khoản 4).

- Cấp đăng ký cho dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động trong một tỉnh (Điều 12 khoản 3).

- Chấp thuận việc mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo (Điều 15 khoản 2).

- Tiếp nhận đăng ký người được đăng ký phong chức, phong phẩm (Điều 16 khoản 5 điểm b).

- Tiếp nhận thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc (Điều 17).

- Chấp thuận chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành vi phạm pháp luật về tôn giáo đã bị xử lý (Điều 19 khoản 4).

- Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở (Điều 21 khoản 1 điểm a).

- Chấp thuận hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 23, 24 Dự thảo Nghị định (Điều 25 khoản 3).

- Chấp thuận các cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo (Điều 26 khoản 4).

- Chấp thuận việc cải tạo, nâng cấp xây dựng mới công trình tôn giáo (Điều 29 khoản 3).

- Tiếp nhận thông báo tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo (Điều 30 khoản 3 điểm c).

**4. Ủy ban nhân dân cấp huyện:** 09 nội dung công việc (01 cấp đăng ký;

04 chấp thuận; 02 tiếp nhận đăng ký; 02 tiếp nhận thông báo).

- Tiếp nhận đăng ký hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong huyện, quận, thị xã (Điều 11 khoản 4).

- Cấp đăng ký cho dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh (Điều 112 khoản 3).

- Tiếp nhận thông báo chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành (Điều 18 khoản 1).

- Tiếp nhận đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành (Điều 19 khoản 3).

- Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở (Điều 21 khoản 1 điểm b).

- Chấp thuận hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo cấp cơ sở (Điều 23 khoản 3).

- Chấp thuận các cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo (Điều 26 khoản 3).

- Chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo ngoài cơ sở tôn giáo (Điều 27 khoản 3).

Tiếp nhận thông báo tổ chức quyền góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo (Điều 30 khoản 3 điểm b).

**5. Ủy ban nhân dân cấp xã:** Có 05 nội dung công việc (02 tiếp nhận đăng ký; 03 tiếp nhận thông báo).

- Tiếp nhận thông báo tổ chức lễ hội tín ngưỡng không thuộc quy định tại Điều 4 khoản 1 (Điều 4 khoản 2).

- Tiếp nhận đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở (Điều 20 khoản 3).

- Tiếp nhận việc đăng ký người vào tu (Điều 22).

- Tiếp nhận thông báo việc sửa chữa nhà cơ sở tôn giáo (Điều 28).

- Tiếp nhận thông báo tổ chức quyền góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo (Điều 30 khoản 3 điểm a).

Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo ban hành là một bước tiến mới trong quá trình hoàn thiện quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta, nó sẽ tạo ra môi trường pháp lý mới để đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện quản lý, đưa hoạt động của các tôn giáo tuân thủ chính sách, pháp luật./.

## ĐẠO TIN LÀNH VÀ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI ĐẠO TIN LÀNH

### I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẠO TIN LÀNH

#### 1. Về tên gọi đạo Tin lành

Tên gọi của đạo Tin lành có một ý nghĩa riêng và chỉ rõ mối quan hệ giữa đạo Tin lành với các tôn giáo trong Kitô giáo.

Ki-tô giáo (đạo thờ Đức Chúa Trời) ra đời ở Trung Đông từ những năm đầu Công nguyên do Jesus Christ (ngôi Hai Thiên Chúa) sáng lập. Sau hơn ba thế kỷ bị đế quốc La Mã đàn áp vì sự khác biệt giữa tín ngưỡng đa thần và tôn giáo độc thần, từ năm 313 (triều đại hoàng đế Constantine) đế chế La Mã chấp nhận là một tôn giáo của đế chế (quốc đạo). Trong quá trình phát triển đến thế kỷ XI, do khác biệt về văn hóa và lợi ích giữa phương Đông và phương Tây, đạo Ki-tô phân chia thành hai tôn giáo: Công giáo và Chính thống giáo.

Đến thế kỷ XVI, cuộc đại phân liệt lần thứ hai diễn ra trong Công giáo, hình thành một tôn giáo mới: đạo Tin lành. Giáo hội Công giáo và phong kiến Châu Âu gọi là đạo chống đối, khi sang Trung Quốc, dịch qua Hán gọi là "đạo Thệ phản". Cuộc đại phân liệt lần thứ hai thực chất là cuộc cải cách tôn giáo, cho nên trong nhiều trường hợp người ta còn gọi đạo Tin lành là "đạo Cải cách". Đạo Tin lành truyền vào Việt Nam cuối thế kỷ XIX, ở miền Bắc được gọi theo cách của người Trung Quốc là "đạo Thệ phản", ở miền Trung gọi là "đạo Gia-tô", ở miền Nam gọi là "đạo Huê Kỳ". Đầu những năm 20, 30 của thế kỷ XX giáo sĩ Cadman thuộc Hội Truyền giáo - CMA, cùng với văn sĩ Phan Khôi dịch Kinh thánh ra tiếng Việt Nam. Hai ông không dịch "Phúc âm" là "Tin mừng" như đạo Công giáo, mà dịch là "Tin lành". Cách gọi "Phúc âm" là Tin lành của những người theo đạo Cải cách (Thệ phản) dần dần thành thói quen và nhất là nó phân biệt được với đạo Công giáo nên người ta gọi luôn đạo Cải cách là đạo Tin lành cho đến ngày nay.

#### 2. Hoàn cảnh và điều kiện ra đời của đạo Tin lành

1. Đạo Tin lành ra đời ở châu Âu vào thế kỷ thế XVI có nguồn gốc chính trị, xã hội sâu xa. Trước hết là sự xuất hiện của giai cấp tư sản với những yêu cầu mới về chính trị, xã hội, tư tưởng, tôn giáo. Trong điều kiện thời Trung cổ, Giáo hội Công giáo và giai cấp phong kiến có quan hệ chặt chẽ với nhau, đạo Công giáo trở thành chỗ dựa tư tưởng cho chế độ phong kiến, Giáo hội Công giáo bị chính trị hoá trở thành thế lực phong kiến, giai cấp tư sản đã thực hiện cuộc cải cách đạo Công giáo để thu hẹp dần lực lượng và ảnh hưởng của giai cấp phong kiến, trước khi tiến hành cuộc cách mạng xã hội - cách mạng tư sản để lật đổ chế độ phong kiến.

2. Đạo Tin lành ra đời thể hiện sự khủng hoảng nghiêm trọng về vai trò ảnh

hường của Giáo hội Công giáo do những tham vọng quyền lực trần thế và sự sa sút về đạo đức của hàng giáo phẩm. Cùng với sự khủng hoảng, uy tín, ảnh hưởng của Giáo hội là sự bế tắc của nền thần học Kinh viện - cơ sở quyền lực của Giáo hội Công giáo.

3. Đạo Tin lành ra đời xét về mặt văn hoá, tư tưởng được thúc đẩy bằng phong trào Văn hóa phục hưng - chủ nghĩa nhân văn, chủ nghĩa dân tộc ở châu Âu thế kỷ XV, XVI. Với chủ trương đề cao con người, đề cao nhân tính, nhân quyền, đề cao tự do cá nhân, dân chủ và sự hưởng thụ đối lại việc đề cao thần tính, thần quyền của đạo Công giáo và chế độ phong kiến.

4. Đạo Tin lành ra đời là sự kế thừa, tiếp nối các phong trào chống lại quyền lực Giáo hoàng và Giáo triều La Mã từ nhiều thế kỷ trước.

5. Nguyên nhân trực tiếp của cuộc cải cách là đời sống sa hoa hưởng lạc của hàng giáo phẩm trong giáo triều La Mã. Những người xướng xuất và lãnh đạo cuộc cải cách không phải ai khác là những giáo sĩ Công giáo: linh mục Martin Luther, linh mục Thomas Munzer, linh mục Jean Calvin, linh mục Ulrich Zwingli...

Phong trào cải cách tôn giáo nổ ra đầu tiên ở Đức vào tháng 11 năm 1517 bằng việc Martin Luther công bố 95 luận đề chống lại chức vụ giáo hoàng, giáo quyền La Mã và việc bán "bùa xá tội". Từ nước Đức, phong trào lan sang các nước Pháp, Thụy Sĩ, Anh, Scot-len, Ai-len, Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy,... để đến giữa thế kỷ XVII, sau cuộc chiến tranh Ba mươi năm (1618 - 1648) hình thành một tôn giáo mới tách ra khỏi đạo Công giáo: đạo Tin lành.

### 3. Quá trình truyền bá đạo Tin lành

Thế kỷ XVII giai cấp tư sản ở châu Âu bước lên vũ đài chính trị, tự khẳng định mình bằng một loạt cuộc cách mạng tư sản (cách mạng tư sản Anh - 1640, cách mạng tư sản Pháp - 1789,...). Đặc biệt, sau đó giai cấp tư sản châu Âu tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược ra bên ngoài để mở rộng thị trường và khai thác nguyên vật liệu. Đạo Tin lành đã khai thác triệt để các hoàn cảnh chính trị, xã hội nói trên để mở rộng ảnh hưởng. Nếu cuối thế kỷ XVII, mới có 30 triệu tín đồ thì cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, đạo Tin lành có đến trên 100 triệu tín đồ. Thế kỷ XX với hai cuộc chiến tranh thế giới (1914 - 1918, 1939 - 1945) và tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá với tốc độ như vũ bão đã tạo môi trường thuận lợi cho đạo Tin lành phát triển mở rộng ra nhiều nước trên thế giới. Đạo Tin lành ra đời ở châu Âu, sau đó truyền sang các nước Bắc Mỹ. Ở Bắc Mỹ gặp môi trường tự do, đạo Tin lành phát triển, hình thành nhiều tổ chức, hệ phái. Rồi từ Bắc Mỹ, bằng nhiều con đường, trong đó có việc nhờ dựa vào vị thế, ảnh hưởng của Mỹ, đạo Tin lành truyền trở lại châu Âu và lan toả ra toàn thế giới. Đó là con đường phát triển của đạo Tin lành, đồng thời là lời lý giải: cái nôi của đạo Tin lành ở Châu Âu, còn trung tâm (điều hành) Tin lành thế giới là ở Bắc Mỹ.

2. Một điều cần quan tâm nữa là, trong quá trình phát triển, trước đây và hiện nay, một mặt khai thác điều kiện thuận lợi như nói ở trên, mặt khác tự bản thân đạo Tin lành rất năng động, luôn luôn đổi mới và thích nghi, đặc biệt là chủ trương "nhập thế", lấy các hoạt động xã hội làm phương tiện, điều kiện để thu hút tín đồ. Đồng thời do ra đời muộn, khi địa bàn truyền giáo ngày càng ít và đi vào ổn

định, từ rất sớm, đạo Tin lành đã hướng các hoạt động truyền giáo đến vùng dân tộc thiểu số.

3. Đến nay, chỉ gần năm trăm năm kể từ khi ra đời, đạo Tin lành phát triển với tốc độ rất nhanh, trở thành một tôn giáo lớn, đứng thứ ba sau đạo Công giáo, Hồi giáo, với khoảng 550 triệu tín đồ của 285 hệ phái có mặt ở 135 nước của tất cả các châu lục, trong đó tập trung ở các nước công nghiệp tiên tiến như Tây Âu, Bắc Âu và Bắc Mỹ. Tại Đông Á, đạo Tin lành có mặt ở các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Indonesia, Philippines, Malaysia.

#### 4. Giáo lý, luật lệ, lễ nghi và tổ chức

Đạo Tin lành có nhiều tổ chức hệ phái và mặc dù có những điểm khác nhau về thần học, nghi thức hành đạo và cách tổ chức giáo hội giữa các hệ phái, nhưng nhìn chung đều thống nhất ở những nội dung, nguyên tắc chính. Có thể khái quát giáo lý, luật lệ, lễ nghi, tổ chức của đạo Tin lành để so sánh với đạo Công giáo như sau:

##### a. Kinh thánh và giáo lý

- Trước hết về Kinh thánh, cả hai tôn giáo Tin lành và Công giáo đều lấy Kinh thánh (gồm Cựu ước và Tân ước) làm nền tảng giáo lý, đạo Tin lành công nhận 39/46 quyển trong Cựu ước, Kinh thánh của Tin lành có 66 quyển so với 73 quyển của Kinh thánh Công giáo. Đạo Tin lành đề cao vị trí của Kinh thánh, coi đó là chuẩn mực căn bản, duy nhất của đức tin và sự hành đạo. Đạo Công giáo lại cho rằng ngoài Kinh thánh còn có những văn bản khác như nghị quyết các Công đồng chung, các sắc chỉ, thông điệp,... của Giáo hoàng, về nguyên tắc cũng có giá trị như giáo lý. Đạo Tin lành đề cao Kinh thánh một cách tuyệt đối, tất cả tín đồ và chức vụ mục sư, truyền đạo đều sử dụng Kinh thánh, nói và làm theo Kinh thánh. Đối với đạo Tin lành, Kinh thánh có vị trí cực kỳ quan trọng. Trong các trường hợp, Kinh thánh giữ vai trò như một giáo sĩ trên cả hai phương diện mục vụ và truyền giáo. Tín đồ Tin lành trực tiếp đọc, suy ngẫm và chiêm nghiệm Kinh thánh, đồng thời cả Công giáo và Tin lành đều coi trọng Thánh ca trong sinh hoạt đạo.

- Giáo lý của đạo Tin lành và Công giáo về cơ bản giống nhau. Cả hai tôn giáo đều thờ Thiên Chúa, tin theo thuyết "Thiên Chúa ba ngôi", tin vũ trụ, muôn vật đều do Thiên Chúa tạo dựng và có điều khiển; tin con người do Thiên Chúa tạo dựng theo cách riêng và có phân hồn và phân xác; tin con người có tội lỗi.

Tuy nhiên, có một số chi tiết trong một số tín điều truyền thống của đạo Công giáo được đạo Tin lành sửa đổi và lược bỏ tạo ra sự khác biệt nhất định giữa đạo Tin lành và Công giáo.

- Đạo Tin lành chỉ kính trọng chứ không tôn sùng thờ lạy bà Ma-ri-a như đạo Công giáo. Bà Ma-ri-a chỉ có công sinh và nuôi dạy Chúa Giê-su, chứ không phải là mẹ của Thiên Chúa.

- Đạo Tin lành chỉ kính trọng Thiên sứ, các thánh Tông đồ, các Thánh tử đạo và các Thánh khác chứ không tôn sùng và thờ lạy họ như đạo Công giáo. Đạo Tin lành không thờ các tranh ảnh, hình tượng cũng như các dị vật.

Trong một số trường hợp, đạo Tin lành có dùng các tranh ảnh, hình tượng

trong sinh hoạt tôn giáo nhưng mang ý nghĩa tài liệu để giảng giải, truyền thụ.

- Đạo Tin lành tin có Thiên đàng, Hoả ngục nhưng không quá coi trọng tới mức dùng nó làm công cụ khen thưởng, răn đe, trừng phạt đối với con người.

### *b. Luật lệ, lễ nghi*

Trong đời sống tín ngưỡng, đạo Tin lành là một tôn giáo đặc biệt đề cao lý trí trong đức tin, cho rằng sự cứu rỗi chỉ đến bởi đức tin chứ không phải vì những "hình thức ngoại tại" (tức là không phải vì các luật lệ lễ nghi). Do đó luật lệ, lễ nghi, cách thức hành đạo của đạo Tin lành đơn giản không cầu kỳ, rườm rà như đạo Công giáo.

- Trong bảy phép Bí tích của đạo Công giáo (Rửa tội, Thêm sức, Giải tội, Thánh thể, Sức dầu, Truyền chức, Hôn phối) đạo Tin lành chỉ thừa nhận và thực hiện phép Rửa tội (Báp-tem), phép Thánh thể.

- Người chịu Báp-tem phải đủ tuổi để hiểu biết các lễ đạo, và nhất là phải ăn ở trong sạch, không phạm tội. Nghi lễ Báp-tem của đạo Tin lành được tiến hành bằng cách dìm cả người xuống nước, chứ không dội ít nước lên đầu một cách tượng trưng như Công giáo.

- Đạo Tin lành thừa nhận 15 lễ nhưng cho rằng Lễ Thánh thể là kỷ niệm về sự chết của Chúa Giê-su chuộc tội cho loài người, qua đó nhắc nhở con người sống xứng đáng với Thiên Chúa. Lễ Thánh thể của đạo Công giáo được tiến hành với nghi thức rườm rà, tín đồ chỉ được ăn "Bánh thánh" còn "Rượu thánh" không được uống mà giành cho các giáo sĩ. Đạo Tin lành thực hiện nghi lễ Thánh thể đơn giản hơn, tất cả tín đồ và giáo sĩ cùng uống rượu và ăn bánh. Lễ Thánh thể thường được tổ chức vào chủ nhật đầu tiên của từng tháng.

- Đạo Tin lành chỉ tin có Kinh thánh, dùng Kinh thánh trong tất cả các sinh hoạt tôn giáo. Khi xưng tội cũng như khi cầu nguyện, tín đồ đạo Tin lành có thể đứng giữa nhà thờ, trước đám đông để sám hối hoặc nói lên ý nguyện của mình một cách công khai.

- Nhà thờ đạo Tin lành thường kiến trúc hiện đại, đơn giản, trong nhà thờ không có tượng ảnh, chỉ có cây thập giá biểu tượng Chúa Giê-su chịu nạn. Trong nhiều trường hợp đạo Tin lành chỉ sử dụng những phòng họp hoặc hội trường đôi khi một nhà tạm của tín đồ dùng để làm điểm nhóm lễ, chia sẻ lời Chúa trong Kinh thánh.

### *c. Giáo sỹ và tổ chức Giáo hội*

- Giáo sỹ của đạo Tin lành gồm các chức vụ: mục sư (tên gọi theo Kinh thánh) và dưới mục sư là truyền đạo (còn gọi là giảng sư). Hiện nay Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam), Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) đều thống nhất gọi truyền đạo là mục sư nhiệm chức. Giáo sỹ đạo Tin lành chủ yếu là nam, nhưng cũng có một số phái có tuyển chọn cả phụ nữ và nhìn chung họ không giữ chế độ độc thân. Chức sắc đạo Tin lành không có thân quyền, tức là không có quyền thay mặt Thiên Chúa ban phúc, tha tội cho tín đồ, không phải là cầu nối trung gian trong mối quan hệ giữa tín đồ đạo Tin lành với đấng thiêng liêng. Quan hệ giữa giáo sỹ với tín đồ bình đẳng, cởi mở. Có hệ phái Tin lành bầu ra mục sư,



truyền đạo theo thời gian. Chức sắc đạo Tin lành hoạt động dưới sự kiểm soát của tín đồ, hàng năm tín đồ bỏ phiếu tín nhiệm mục sư quản nhiệm Hội thánh cơ sở.

- Đạo Tin lành chủ trương xây dựng các giáo hội độc lập với những hình thức cơ cấu khác nhau, tùy thuộc vào từng hệ phái và hoàn cảnh điều kiện cho phép. Có hệ phái Tin lành duy trì cơ cấu 2 cấp Trung ương và Hội thánh cơ sở (chi hội), có hệ phái Tin lành duy trì thêm cấp trung gian là Giáo khu hay Địa hạt. Nhân sự lãnh đạo các cấp giáo hội theo nhiệm kỳ thông qua bầu cử dân chủ. Thành phần lãnh đạo Giáo hội không chỉ có mục sư, truyền đạo mà có cả tín đồ tham gia. Đặc biệt, các hệ phái Tin lành đều trao quyền tự quản cho hội thánh cơ sở với phương châm tự lập, tự dưỡng, tự truyền.

- Đạo Tin lành thường có hai sinh hoạt về mặt tổ chức là Bồi linh và Hội đồng. Bồi linh còn gọi là Hội đồng linh tu được tổ chức hàng năm theo các cấp giáo hội để nâng cao trình độ giáo lý, thần học cho tín đồ, mục sư, truyền đạo. Đại hội đại biểu ở cấp chi hội thường họp mỗi năm một lần, gọi là Hội đồng thường niên; Hội đồng ở chi hội có nhiệm vụ tổng kết công việc trong một năm và bàn chương trình hoạt động của năm tới, bầu ban chấp sự; bỏ phiếu tín nhiệm mục sư, truyền đạo chủ tọa và bầu chọn đại biểu đi dự Đại hội đồng cấp trên. Đại hội đại biểu trên cấp chi hội là Đại hội đồng, thành phần tham dự Đại hội đồng là các mục sư, truyền đạo và đại biểu tín đồ được cử ở các chi hội. Đại hội đồng tổ chức theo nhiệm kỳ để giải quyết các công việc nội bộ, xây dựng hoặc sửa đổi hiến chương (Điều lệ) và bầu nhân sự lãnh đạo giáo hội.

## 5. Một số nhận xét về đạo Tin lành

1. Đạo Tin lành là tôn giáo tách ra từ đạo Công giáo từ thế kỷ XVI cùng với sự xuất hiện của giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Nội dung cải cách chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng dân chủ tư sản, ý chí tự do cá nhân. Trong sinh hoạt tôn giáo, đạo Tin lành đề cao vai trò cá nhân, trong sinh hoạt về tổ chức, đạo Tin lành đề cao tinh thần dân chủ. Các luật lệ, lễ nghi, cách thức hành đạo, cơ cấu tổ chức của đạo Tin lành đơn giản, nhẹ nhàng không rườm rà, gò bó như đạo Công giáo.

2. Những nội dung cải cách đã làm cho đạo Tin lành trở thành một tôn giáo có màu sắc mới mẻ, thích hợp với giai cấp tư sản, tiểu tư sản, công chức, trí thức... thị dân nói chung trong xã hội công nghiệp. Đặc biệt với lối sống đạo nhẹ nhàng, đề cao đức tin và vai trò cá nhân, đạo Tin lành duy trì tín ngưỡng trong mọi hoàn cảnh chính trị, xã hội, kể cả những khi bị o ép, cấm cách.

3. Đạo Tin lành còn là một tôn giáo có đường hướng và phương thức hoạt động rất năng động, luôn đổi mới từ nội dung đến hình thức để thích nghi với hoàn cảnh xã hội. Đặc biệt, đạo Tin lành tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, nhất là lĩnh vực từ thiện nhân đạo, lấy đó làm phương tiện mở rộng ảnh hưởng. Điều này tạo ra uy tín và khả năng tiếp cận, chung sống với nhiều chế độ chính trị khác nhau.

4. Ngoài tầng lớp thị dân, đối tượng truyền đạo quan trọng thứ hai của đạo Tin lành là đồng bào các dân tộc thiểu số. Đó là những vùng đất mới - nơi chưa có tôn giáo chính thống hoặc tín ngưỡng, tôn giáo cũ đang suy thoái, mất uy tín, nơi đời sống dân sinh, trình độ dân trí thấp. Truyền đạo đến những vùng này, đạo Tin



lành không những phát huy lợi thế vốn có "đơn giản về luật lệ, lễ nghi, cách thức hành đạo" mà còn nghiên cứu rất kỹ đặc điểm lịch sử, văn hoá, tâm lý, lối sống, phong tục tập quán của từng dân tộc, chủ động địa phương hoá, dân tộc hoá để dễ dàng hoà nhập.

5. Ra đời, phát triển cùng với sự ra đời của giai cấp tư sản, đạo Tin lành có quan hệ khá chặt chẽ với giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản sử dụng đạo Tin lành như một thứ vũ khí trong các cuộc cách mạng tư sản đánh đổ giai cấp phong kiến và thu hẹp ảnh hưởng của giáo hội Công giáo ở thời kỳ đầu và việc tìm kiếm thị trường thuộc địa sau này. Ngược lại, đạo Tin lành nhờ dựa vào giai cấp tư sản để củng cố phát triển lực lượng, kể cả việc lợi dụng các cuộc chiến tranh xâm thực mà giai cấp tư sản tiến hành.

6. Tuy nhiên trong từng thời kỳ lịch sử, từng tổ chức hệ phái Tin lành, mối quan hệ nói trên có sự thay đổi, tùy thuộc vào thái độ của những người đứng đầu, sự thao túng của các thế lực phản động trong từng nước, từng khu vực. Thời gian sau này đạo Tin lành chịu ảnh hưởng của các xu hướng tiến bộ trên thế giới nên nhiều phái Tin lành tách dần khỏi sự kiểm tỏa của các thế lực xấu.

## II. KHÁI QUÁT VỀ ĐẠO TIN LÀNH Ở VIỆT NAM

### 1. Đạo Tin lành phát triển chủ yếu ở miền Nam trong thời kỳ trước năm 1975

Đạo Tin lành có mặt ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tổ chức Hội Liên hiệp Cơ đốc và Truyền giáo (CMA - một tổ chức Tin lành thành lập năm 1879 tại Mỹ) đặt trụ sở ở Đà Nẵng (1911) và bắt đầu công cuộc truyền giáo ở Việt Nam. Thời kỳ đầu truyền giáo gặp hoàn cảnh không thuận lợi về chính trị, văn hoá, tư tưởng, trong đó phải kể đến sự cấm cách của người Pháp, sự chèn ép của đạo Công giáo, đạo Phật và tín ngưỡng truyền thống, nên việc truyền giáo của CMA không đem lại kết quả như họ mong muốn. Hơn bốn mươi năm truyền giáo, kể từ năm 1911 đến năm 1954, đạo Tin lành ở Việt Nam có khoảng 60.000 tín đồ, hơn 100 mục sư, truyền đạo trong một tổ chức chung: Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (lập năm 1927).

Sau năm 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt, đạo Tin lành ở miền Bắc và miền Nam có sự khác nhau. Ở miền Bắc, một bộ phận tín đồ, giáo sĩ di cư vào Nam chỉ còn vài ngàn tín đồ, gần 20 mục sư, truyền đạo. Năm 1955 lập ra tổ chức giáo hội riêng gọi là Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) - thường gọi là Hội thánh Tin lành miền Bắc.

Ở miền Nam, những năm 1954 - 1975, khai thác môi trường chiến tranh lại được CMA và các tổ chức Tin lành quốc tế hỗ trợ, nâng đỡ về vật chất, tinh thần, Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam - thường gọi là Hội thánh Tin lành miền Nam phát triển nhanh về số lượng tín đồ, giáo sĩ, cũng như quy mô tổ chức giáo hội, phạm vi hoạt động. Đến năm 1975, ở miền Nam có khoảng 200 ngàn tín đồ, hơn 500 mục sư, truyền đạo.

## 2. Đạo Tin lành ở Việt Nam có nhiều tổ chức, hệ phái

Thời kỳ này, ngoài tổ chức Tin lành có nguồn gốc từ CMA, Cơ đốc Phục lâm có từ trước, có gần 20 tổ chức hệ phái Tin lành quốc tế vẫn chủ yếu là Tin lành ở các nước Bắc Mỹ vào gây dựng cơ sở, tạo ra diện mạo Tin lành ở miền Nam đa dạng. Có thể chia thành các tổ chức hệ phái Tin lành ở Việt Nam ở thời điểm năm 1975 như sau:

- Loại các hệ phái đã lập tổ chức giáo hội gồm:

- + Hội thánh Tin lành miền Bắc (có nguồn gốc từ CMA),
- + Hội thánh Tin lành miền Nam (có nguồn gốc từ CMA),
- + Hội thánh Cơ đốc Phục lâm (1929),
- + Hội Truyền giáo Cơ đốc (1956),
- + Hội thánh Tin lành Báp-tít (1959),

- Loại các tổ chức hệ phái mới gây dựng được một vài cơ sở

- + Hội thánh Trưởng Lão (1972),
- + Hội thánh Ngũ Tuần (1972),
- + Hội thánh Đấng Christ (1963),
- + Chứng nhân Giê-hô-va (1965),
- + Mennonitte (1954),
- + Hội thánh Chúa Giê-su (tách ra từ HTTLMN năm 1974),
- + Hội Truyền giảng Phúc âm (tách ra từ HTTLMN năm 1974),

- Loại các tổ chức quốc tế có văn phòng đại diện:

- + Thánh kinh hội - S.B;
- + Ngôn ngữ mùa hè - S.I.L,
- + Hoàn cầu Khải tượng - WV,
- + Tin lành Á châu - CCA,
- + Hội đồng các giáo hội thế giới - WCC,
- + Tổng đoàn thanh niên Cơ đốc - YMCA,...

3. Tín đồ đạo Tin lành ở Việt Nam chủ yếu là thị dân và đồng bào dân tộc thiểu số.

Những người sinh sống ở thành phố, thị xã, thị trấn hoặc các khu công nghiệp (gọi chung là thị dân) và đồng bào dân tộc thiểu số, xét về đặc điểm lịch sử, văn hoá, xã hội, về phong tục tập quán, lối sống,... tương như chênh lệch, thậm chí có điểm trái ngược nhau, nhưng họ lại là lực lượng tín đồ đông đảo của Tin lành ở Việt Nam. Thực ra đặc điểm này của Tin lành ở Việt Nam không khác Tin lành trên thế giới.

Theo thống kê của Hội thánh Tin lành miền Nam, cuối năm 1974 ở miền

Nam có khoảng 190 nghìn tín đồ, trong đó có trên 100 nghìn là thị dân (chiếm 55%), khoảng 55 nghìn là đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên (chiếm 35%), trong khi đó tín đồ là nông dân vùng đồng bằng chỉ chiếm 10% tổng số.

Các hệ phái Tin lành khác ở miền Nam cũng có một thống kê tương tự.

- Cơ đốc Phục lâm: thị dân 55%, DTTS 35%;

- Cơ đốc Truyền giáo: thị dân 40%, DTTS: 45%;

Tỷ lệ này ở Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) có thay đổi chút ít so với Tin lành ở miền Nam. Cụ thể: thị dân 40%, DTTS 30% - không kể số người Mông vừa mới theo đạo Tin lành. Mấy năm gần đây, đạo Tin lành được xem là tôn giáo có tốc độ tăng trưởng tín đồ nhanh nhất trong các tôn giáo ở Việt Nam thì số người mới theo đạo ở hai khu vực thành phố, thị xã, thị trấn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn là chủ yếu.

**4. Đạo Tin lành ở Việt Nam lấy truyền giáo là nội dung và chủ đích của mọi hoạt động.**

Truyền giáo và phát triển tín đồ là một trong những hoạt động căn bản của các tôn giáo, là thiên chức của giáo sĩ. Tuy nhiên, đối với đạo Tin lành ở Việt Nam, truyền giáo là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Trong Hiến chương của CMA khi mới thành lập cũng như Điều lệ của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) và Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) đều xác định: Rao giảng Tin lành là nội dung và chủ đích của mọi hoạt động.

Việc tập trung cho công tác truyền giáo được thể hiện qua các cơ sở tôn giáo, kinh tế, văn hoá, xã hội mà giáo hội tiến khai xây dựng (trước năm 1975, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) có 1 viện Thần học, 2 trường Kinh thánh, 3 tạp chí, 2 tờ báo, 1 nhà in, 15 chương trình ba âm trên đài phát thanh, truyền thanh, 4 bệnh viện, 1 trại phong, 142 trường tiểu học và trung học, 320 trường chủ nhật,...), qua sự hỗ trợ của các tổ chức Tin lành quốc tế trong lĩnh vực truyền giáo như Thánh kinh hội, Ngôn ngữ mùa hè, Hội Cứu thế quân, Ngôn ngữ mùa hè đã dịch Kinh thánh trọn bộ hay từng phần ra 22 tiếng dân tộc thiểu số; Thánh kinh hội in hàng triệu bản Kinh thánh và tài liệu truyền giáo và nỗ lực của các nhà truyền giáo cùng các phương tiện mà họ áp dụng.

Với đặc điểm là một tổ chức truyền giáo nên trước đây, hiện nay và có lẽ trong tương lai, một điều lưu ý là số lượng tín đồ đạo Tin lành ở Việt Nam luôn tăng, không lúc nào dừng lại như một số tôn giáo khác.

**5. Đạo Tin lành ở Việt Nam ít nhưng có mối quan hệ quốc tế rộng rãi.**

Mối quan hệ quốc tế của đạo Tin lành ở Việt Nam khá đa dạng. Có thể chia làm hai loại chủ yếu như sau:

- Mối quan hệ theo hệ được thiết lập ngay từ khi đạo Tin lành mới truyền vào Việt Nam, theo hệ thống dọc của từng tổ chức hệ phái, trong đó đạo Tin lành ở Việt Nam được coi là bộ phận của các tổ chức Tin lành quốc tế, điển hình của mối quan hệ này là: Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) với CMA, Cơ đốc Phục lâm với Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Thế giới, Báp-tít Ấn điển với Giáo hội Báp-tít Nam phương,...

- Mối quan hệ đồng đạo, cũng là những cơ đốc nhân theo tinh thần "đại kết Kitô giáo". Mối quan hệ này rất phong phú và năng động được thiết lập nhằm hỗ trợ nhau trong sinh hoạt tôn giáo, nhất là các hoạt động truyền giáo. Thuộc mối quan hệ này có hai loại:

+ Các tổ chức truyền giáo chuyên nghiệp: Thánh kinh hội, Ngôn ngữ Mùa hè, Cứu Thế quân...

+ Các tổ chức từ thiện xã hội do các hệ phái Tin lành quốc tế lập ra hoặc bảo trợ như: Tâm nhìn Thế giới, Cơ quan Phát triển và cứu trợ Cơ đốc Phục lâm, Oxfam...

Các mối quan hệ nói trên thường được thiết lập song song với các mối quan hệ khác, nhất là mối quan hệ "phi chính phủ".

### 6. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực xấu luôn tìm mọi cách lợi dụng đạo Tin lành ở Việt Nam.

Khi xâm lược nước ta, các thế lực đế quốc đều tìm mọi thủ đoạn lợi dụng tôn giáo hồng biến các tôn giáo trở thành lực lượng đối lập với dân tộc, chống lại cách mạng. Đạo Công giáo, đạo Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, đạo Tin lành... ở những mức độ khác nhau đều có một bộ phận bị kẻ thù lôi kéo mua chuộc. Tuy nhiên, do thường xuyên phát triển trong môi trường chính trị xã hội phức tạp, đạo Tin lành có kinh nghiệm hoạt động nên cố gắng không dính líu đến chính trị trực tiếp bằng tổ chức. Những quan hệ với chính trị của đạo Tin lành trước đây thường thông qua các cá nhân cụ thể.

Những năm 1954 - 1975, đạo Tin lành ở miền Nam có một số mục sư truyền đạo trở thành những sĩ quan tuyên úy trong quân đội ngụy, hoặc tham gia các hoạt động xã hội dưới những danh hiệu từ thiện, cứu trợ nhưng do chính phủ Mỹ lập ra và cung cấp tài chính. Đặc biệt ở Tây Nguyên, một số mục sư, truyền đạo quan hệ với tổ chức phản động Fulro chống lại cách mạng.

Tuy nhiên, trong kháng chiến chống Mỹ, nhiều tín đồ, mục sư, truyền đạo, kể cả ở Tây Nguyên ủng hộ hoặc tham gia cách mạng, hoặc giữ thái độ trung lập không làm hại đến cách mạng. Đặc biệt, gần 50 năm xây dựng và trưởng thành, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) luôn phấn đấu cho một đường hướng tiến bộ *Kính Chúa và Yêu nước*, xây dựng một giáo hội độc lập, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp của toàn dân trong kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ năm 2001 khi được công nhận tư cách pháp nhân, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền nam) đã xây dựng đường hướng hoạt động mới "*Sống phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc*" để đưa giáo hội ngày càng gắn bó với dân tộc.

## III, TÌNH HÌNH ĐẠO TIN LÀNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Hiện nay, đạo Tin lành ở nước ta hình thành các khu vực với tình hình và cách giải quyết khác nhau:

### 1. Những tổ chức Tin lành có tư cách pháp nhân.

*a. Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc).*

Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) là tổ chức giáo hội do ta giúp đỡ thành lập có tư cách pháp nhân từ năm 1958, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hoạt động theo đường hướng tiến bộ "Kính Chúa và Yêu nước". Đến năm 2003, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) có hơn 6 ngàn tín đồ, 04 mục sư (01 người lưu trí), 09 truyền đạo, 14 chi hội ở 10 tỉnh, thành phố (Lạng Sơn: 01 chi hội, Hà Nội: 02 chi hội, Hải Phòng: 03 chi hội, Nam Định: 02 chi hội, Hải Dương: 01 chi hội, Hà Tây: 01 chi hội, Vĩnh Phúc: 01 chi hội, Hà Nam: 01 chi hội, Thái Bình: 01 chi hội, Thanh Hoá: 01 chi hội). Ngoài ra còn có các nhóm tín đồ nhỏ lẻ ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Thái Nguyên,...

Từ khi thành lập đến năm 1984, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) đã trải qua 31 lần Đại hội đồng. Sau 20 năm gián đoạn do nhiều lý do, Đại hội đồng lần thứ 32 đã diễn ra tại Hà Nội từ ngày 30/11/2004 đến ngày 2/12/2004. Thành công của Đại hội đồng 32 đã mở ra thời kỳ mới cho Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) với việc thông qua Điều lệ sửa đổi, bầu Ban Trị sự Tổng hội mới gồm 13 thành viên, do mục sư Phùng Quang Huyền làm Hội trưởng. Trụ sở Tổng hội đặt tại số 2 Ngõ Trạm, Hà Nội.

*b. Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam)*

Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) nguyên là Hội thánh Tin lành Việt Nam được thành lập năm 1927. Sau khi Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) được thành lập năm 1958, tách khỏi Hội thánh Tin lành Việt Nam, thì tên gọi Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) được sử dụng để chỉ giáo hội Tin lành ở miền Nam. Tính đến năm 1975, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) có tổng số 150.000 tín đồ (58.000 tín đồ là người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên), có 530 chi hội, 190 mục sư, 167 truyền đạo, 155 truyền đạo sinh (42 mục sư, 91 truyền đạo, 50 truyền đạo sinh là người dân tộc thiểu số). Đến nay Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) có hơn 600.000 tín đồ, 300 mục sư, truyền đạo đang hoạt động ở 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ Quảng Trị trở vào.

Sau năm 1975 do nhiều nguyên nhân chúng ta để kéo dài tình trạng không công nhận tư cách pháp nhân về tổ chức của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam). Tuy vậy, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) vẫn duy trì hoạt động mà chúng ta không hướng dẫn và quản lý được. Trước tình hình trên, Trung ương có chủ trương: *Chấp thuận cho Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) được phép hoạt động.*

Năm 2000, Ban Vận động Đại hội đồng Tổng Liên hội lần thứ I được thành lập. Sau gần một năm chuẩn bị, tháng 02 năm 2001, Đại hội đồng Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) đã diễn ra trọng thể với 482 đại biểu chính thức (gồm 100 mục sư, 147 truyền đạo và 235 đại biểu) và 287 đại biểu không chính thức (các mục sư, truyền đạo lưu trí và vợ các mục sư, truyền đạo) đến dự từ 32 tỉnh, thành phố phía Nam. Tiếp đến, ngày 16/3/2001, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân với hệ thống tổ chức gồm 2 cấp: Trung ương (Tổng Liên hội); cơ sở (chi hội) và hoạt động theo đường hướng "Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc".

Sau khi có tư cách pháp nhân, các mặt hoạt động về mặt tổ chức của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) được triển khai. Đến nay, 32/34 tỉnh, thành phố đã có Ban đại diện hoặc Đại diện Tin lành cấp tỉnh, gần 100 mục sư nhiệm chức được Nhà nước chấp thuận cho phép Giáo hội tấn phong mục sư và hàng chục truyền đạo được công nhận là mục sư nhiệm chức,... Năm 2003 Viện Thánh kinh Thần học được thành lập và chiêu sinh khoá I với 50 sinh viên hiện đang học năm thứ 2; năm 2005, chiêu sinh khoá II với 100 sinh viên.

Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) tổ chức thành công Đại hội đồng và sau đó được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân tổ chức giáo hội đã làm cho quần chúng tín đồ, chức sắc phấn khởi, tin vào Đảng và Nhà nước, tạo dư luận rất tốt ở trong nước và quốc tế. Đặc biệt đã tạo điều kiện cho công tác quản lý nhà nước và tác động chuyển hoá thái độ của giáo hội theo chiều hướng tiến bộ.

Tháng 3 năm 2005, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) tiến hành Đại hội đồng Tổng Liên hội lần thứ II theo định kỳ 04 năm một lần. Đại hội đồng lần này có 821 đại biểu chính thức (trong đó có 345 đại biểu là mục sư, mục sư nhiệm chức, truyền đạo và 476 đại biểu tín đồ) cùng hơn 500 đại biểu dự thính đến từ 34 tỉnh, thành phố phía Nam. Đặc biệt, tại Đại hội đồng này, Nhà nước chấp thuận cho 06 vị khách mời là người nước ngoài thuộc Hội Liên hiệp Cơ đốc và Truyền giáo (CMA) đến dự, góp phần làm sáng tỏ chủ trương, chính sách tôn giáo cởi mở của Đảng và Nhà nước ta.

Đại hội đồng bầu Ban Trị sự Tổng Liên hội nhiệm kỳ 2005 - 2009 gồm 23 thành viên và tiếp tục đường hướng hoạt động "*Sống phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc*" đã được xác định từ Hiến chương năm 2001.

## **2. Những hệ phái Tin lành có trước năm 1975 đang hoạt động nhưng chưa được công nhận về tổ chức.**

Những năm 1954-1975 ở miền Nam, ngoài tổ chức Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) còn có nhiều tổ chức hệ phái Tin lành, chủ yếu là Tin lành ở các nước Bắc Mỹ vào truyền giáo gây dựng cơ sở. Trong đó, một số tổ chức hệ phái Tin lành có ảnh hưởng lớn ở miền Nam. Cụ thể:

- Tin lành Cơ đốc Phục lâm, thành lập tháng 12/1929 tại Sài Gòn, đến năm 1975 có khoảng hơn 30.000 tín đồ, truyền đạo, 42 chi hội. Hiện nay số tín đồ có 10.739 người tập trung ở các tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Quảng Trị,...

- Hội Truyền giáo Cơ đốc, thành lập năm 1956 tại Đà Nẵng, đến 1973 có 16.350 tín đồ, 16 mục sư, 18 truyền đạo và truyền đạo sinh, 11 giáo sĩ nước ngoài, 35 chi hội. Địa bàn hoạt động hiện nay ở Quảng Ngãi, Đồng Nai, Kon Tum, Gia Lai, ... với khoảng hơn 40.000 tín đồ.

- Tin lành Báp-tít, thành lập năm 1962 tại Sài Gòn, đến 1975 có gần 10.000 tín đồ, 9 mục sư, truyền đạo và 16 chi hội. Hiện nay có gần 3.000 tín đồ sống rải rác ở các tỉnh, thành phố: Lâm Đồng, Ninh Thuận, Sóc Trăng, TP Hồ Chí Minh.

## **3. Các hệ phái và nhóm Tin lành phục hồi và hình thành sau năm 1975.**

Sau giải phóng miền Nam, một số tổ chức hệ phái Tin lành mới truyền vào



lực lượng nhỏ bé, nên khi các giáo sĩ nước ngoài về nước, đã tự tan rã không còn hoạt động... Từ khi đất nước bước vào đổi mới, quan hệ quốc tế mở rộng, các tổ chức Tin lành nói trên lại phục hồi hoạt động. Đồng thời qua con đường du lịch, hợp tác quốc tế, Việt kiều thăm thân, thuyền nhân, xuất khẩu lao động trở về,... đã xuất hiện thêm nhiều tổ chức và nhóm Tin lành mới,... Cụ thể như sau:

- Tin lành Ngũ tuần truyền vào Việt Nam năm 1959, thành lập năm 1970 tại Sài Gòn, đến 1975 có khoảng 500 tín đồ, 4 mục sư người Việt và 9 mục sư người ngoại quốc. Sau năm 1975, Tin lành Ngũ tuần hầu như không hoạt động. Từ đầu những năm 1990 Tin lành Ngũ tuần hoạt động trở lại với phương thức "Hội thánh tư gia" theo những tên gọi khác nhau như Phúc âm Toàn vẹn, Hội thánh Tin lành Đức tin, Hội thánh Tin lành - liên hiệp truyền giáo, Hội thánh Tin lành Ân điển Hy vọng, Hội thánh Tin lành Agape,... với khoảng 300 điểm nhóm và gần 14.000 tín đồ ở ba miền Bắc - Trung - Nam.

- Tin lành Mennonite, hoạt động ở miền Nam từ năm 1954, dưới danh nghĩa một tổ chức cứu trợ xã hội với tên gọi là Ủy ban Trung ương Mennonite - MCC. Đến 1975, Tin lành Mennonite ở miền Nam có khoảng 500 tín đồ. Có 3 cơ sở ở Sài Gòn, 1 cơ sở ở Cần Thơ. Sau năm 1975, các cơ sở tôn giáo, xã hội hiến tặng Nhà nước. Riêng cơ sở ở quận Bình Thạnh (TP Hồ Chí Minh) duy trì hoạt động đến tháng 6/1978. Năm 1991, Chính phủ Việt Nam cho lập Văn phòng đại diện của MCC tại Hà Nội.

- Chứng nhân Giê-hô-va, vào hoạt động ở miền Nam khoảng giữa những năm 1960, dưới hình thức quảng bá tạp chí Tháp canh. Đến 1975, Chứng nhân Giê-hô-va chỉ có một nhóm tín đồ khoảng trên dưới 100 người. Hiện nay có hơn 650 tín đồ tập trung chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

- Thời gian gần đây, có nhiều các tổ chức hệ phái Tin lành khác ở nước ngoài vào Việt Nam truyền giáo xây dựng lực lượng, như: Phúc âm Toàn vẹn, Hội thánh Nazazene, Tân sứ đồ, Hội thánh Bốn phương,... Một số nhóm Tin lành tách ra từ Hội thánh Tin lành Việt Nam như: Liên hữu Cơ đốc cũng đẩy mạnh các hoạt động truyền giáo. Đến nay, ở Việt Nam có đến trên dưới 60 tổ chức hệ phái Tin lành đang hoạt động. Gần đây ở miền Nam các nhóm Tin lành này hợp lại dưới hình thức liên hiệp nhằm thu hút sự quan tâm của Nhà nước. Nếu như trong giai đoạn 1954 - 1975, các tổ chức, hệ phái Tin lành tại miền Nam chú trọng truyền giáo ở các thành thị trong vùng địch tạm chiếm, thì từ những năm 1980 trở lại đây họ lại hướng việc truyền giáo vào vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trong các dân tộc thiểu số trên phạm vi cả nước.

#### **4. Đạo Tin lành ở khu vực Tây Nguyên và các tỉnh miền núi phía Bắc.**

Ngoài các tổ chức hệ phái Tin lành như nói trên, nước ta còn có một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở hai khu vực Tây Nguyên và Tây Bắc theo đạo Tin lành.

- Ở khu vực Tây Nguyên năm 1975 chỉ có gần 60 ngàn tín đồ Tin lành là đồng bào dân tộc thiểu số, nhưng đến nay đã tăng lên hơn 300 ngàn tín đồ ở 1.730 buôn, chủ yếu thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam).

Tính đến hết tháng 12 năm 2005, các tỉnh Tây Nguyên - Bình Phước đã



công nhận 50 chi hội (Gia Lai - 29, Lâm Đồng - 12, Đắk Lắk - 5, Đắk Nông - 1, Bình Phước - 3), hàng chục hội nhánh, đặc biệt đã hướng dẫn cho hơn 600 điểm nhóm đăng ký sinh hoạt tôn giáo ổn định với chính quyền cơ sở.

- Ở các tỉnh miền núi phía Bắc, ngoài bộ phận người Dao ở Bắc Sơn (Lạng Sơn) theo đạo Tin lành từ trước năm 1954 nay trở thành chi hội của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), từ giữa những năm 1980, đạo Tin lành tuyên truyền vào người Mông dưới tên gọi "Vàng chữ", người Dao dưới tên gọi "Thần hùng". Đến năm 2004 ở các tỉnh miền núi phía Bắc có trên dưới 100 ngàn người Mông và hơn 10 ngàn người Dao theo đạo Tin lành.

Đạo Tin lành ở Tây Nguyên và các tỉnh miền núi phía Bắc đang trở thành một thực thể tôn giáo. Đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên cũng như ở các tỉnh miền núi phía Bắc, dù mới theo đạo Tin lành nhưng đã hình thành tình cảm tôn giáo và có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo bình thường.

#### **IV. CHỦ TRƯỞNG CÔNG TÁC ĐỐI VỚI ĐẠO TIN LÀNH**

##### **1. Cơ sở để xây dựng chủ trương công tác đối với đạo Tin lành**

+ Nghị quyết số 25 (2003) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX.

+ Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (2004) của UBTV Quốc Hội.

+ Nghị định số 22(2005) của Chính phủ *Hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.*

+ Chỉ thị số 01(2005) của Thủ tướng Chính phủ *Về một số công tác đối với đạo Tin lành.*

##### **2. Chính sách cụ thể**

Trên cơ sở tôn trọng tự do tín ngưỡng của những người theo đạo Tin lành, không phân biệt đối xử những người theo đạo Tin lành với tín đồ các tôn giáo khác. Từ đó nhìn nhận sự tồn tại và hoạt động của đạo Tin lành trong khuôn khổ pháp luật

Tuy nhiên do đặc điểm riêng của đạo Tin lành ở Việt nam có sự khác biệt giữa các tổ chức hệ phái, giữa các vùng miền nên việc thực hiện chính sách đối với đạo Tin lành trong thời gian tới tiến hành cụ thể như sau:

1. Đối với những tổ chức Tin lành đã được công nhận tư cách pháp nhân như Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam), được thực hiện đầy đủ theo các quy định của chính sách pháp luật, được sinh hoạt về tổ chức, (Đại hội đồng, Hội đồng, Bồi linh), phong chức phong phẩm, sửa chữa xây nơi thờ tự, quan hệ quốc tế,...

2. Đối với những tổ chức chưa được công nhận (kể cả số truyền vào trước năm 1975 và số mới truyền vào gần đây) tiến hành thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo với chính quyền. Đối với những tổ chức hệ phái truyền vào trước năm 1975 sau giải phóng miền Nam vẫn duy trì sinh hoạt tôn giáo bình thường đến khi đăng ký thì sau khi đăng ký một năm, nếu đủ điều kiện theo pháp luật (Điều 16 Pháp

lệnh tín ngưỡng, tôn giáo) thì tiến hành các thủ tục theo quy định để được công nhận về tổ chức (Đại hội đồng thông qua Hiến chương và bầu cử nhân sự cơ quan lãnh đạo giáo hội). Đối với những tổ chức hệ phái còn lại phải có đủ thời gian hoạt động sau khi đăng ký là 20 năm, cùng với những điều kiện khác theo quy định của pháp luật sẽ được công nhận về tổ chức. Riêng những hệ phái truyền vào trước 1975 nay phục hồi được cộng thêm thời gian hoạt động trước đó cho đủ 20 năm.

3. Đối với Tin lành ở Tây Nguyên - chủ yếu thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) sẽ đẩy nhanh quá trình Bình thường hoá bằng hai quá trình: tiến hành đăng ký theo điểm nhóm ở các buôn để đảm bảo sinh hoạt tôn giáo của người theo đạo. Sau đó nếu đủ điều kiện theo pháp luật và Hiến chương của giáo hội sẽ giải quyết bước tiếp theo về tổ chức là công nhận hội nhánh, chi hội - đơn vị cơ sở của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam).

4. Đối với Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc, trước mắt những người theo đạo được sinh hoạt tôn giáo tại gia đình; những nơi theo đạo đã lâu và thực sự có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo thì cho đăng ký sinh hoạt theo điểm nhóm ở từng bản. Khi có đủ điều kiện thì sẽ giải quyết bình thường như những nơi khác. Các tỉnh miền núi phía Bắc là nơi đồng bào mới theo đạo Tin lành, nếu ai có nhu cầu trở lại với tín ngưỡng truyền thống thì tạo điều kiện, nhưng tuyệt đối không được ép buộc bỏ đạo.

Những nội dung về chính sách đối với 4 khu vực Tin lành theo Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ như nói trên là để thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước đối với đạo Tin lành. Nội dung ấy hoàn toàn phù hợp với Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định hướng dẫn của Chính phủ./.

## ĐẠO TIN LÀNH VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẠO TIN LÀNH Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

### I. VAI NÉT KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

1. Khu vực miền núi phía Bắc gồm các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn và vùng núi phía Tây hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An. Khu vực này có tổng diện tích hơn 90.000 km<sup>2</sup> với địa hình hiểm trở, 2/3 là núi cao. Khu vực miền núi phía Bắc là khu vực có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng, ảnh hưởng tới sự ổn định và phát triển của cả nước; khu vực này có trên 2.500 km đường biên giới giáp với hai nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Khu vực miền núi phía Bắc có tiềm năng về khoáng sản và thủy điện. Tuy nhiên, cho tới nay đây vẫn là khu vực nghèo và còn nhiều khó khăn nhất trong cả nước. Những năm gần đây, với sự quan tâm đầu tư của Nhà nước qua các Chương trình 135, 134, 120, 186... mà khu vực miền núi phía Bắc đã đạt được một số thành tựu đáng khích lệ. Tốc độ tăng trưởng trong vùng đạt trên 11%, sản xuất nông lâm nghiệp đã chuyển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa, sản xuất công nghiệp tăng khá ở mức 16%, thương mại và dịch vụ cũng có những chuyển biến tốt. Công tác y tế, giáo dục, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện. An ninh, quốc phòng trong khu vực được duy trì ổn định, hệ thống chính trị từng bước được củng cố và hoàn thiện.

2. Vùng miền núi phía Bắc có dân số khoảng 8 triệu người, hơn 70% là đồng bào thuộc 30 dân tộc thiểu số trong đó chiếm đa số là các dân tộc Tày (1.477.514 người), Thái (1.388.725 người), Mường (1.137.515 người), Mông (875.604 người), Nùng (856.442 người), Dao (620.538 người)... Các dân tộc thiểu số trong khu vực này có nền văn hóa với phong tục, tập quán rất phong phú và đa dạng. Họ có truyền thống đoàn kết, yêu thương, gắn bó và tương trợ lẫn nhau đồng thời mỗi dân tộc cũng đều có những bản sắc và truyền thống tốt đẹp riêng.

3. Đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc có đời sống tín ngưỡng đa dạng, phân đông theo tín ngưỡng đa thần và rất coi trọng việc thờ cúng tổ tiên, thờ ma. Tuy nhiên đối với một số dân tộc, tín ngưỡng truyền thống có nơi còn mang nét mê tín dị đoan và tốn kém. Thời kỳ sau này, các tôn giáo như Công giáo, Tin lành, Phật giáo cũng đã thâm nhập vào vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc; hiện có khoảng 30.000 người theo Phật giáo, 340.000 người theo Công giáo và khoảng 100.000 người chịu ảnh hưởng của đạo Tin lành.

Đặc biệt trong khu vực này có đồng bào người Mông cư trú vào khoảng

800.000 người, chiếm hơn 97% số người Mông của cả nước. Đại đa số đồng bào Mông sống ở những vùng núi cao, điều kiện canh tác không thuận lợi, đời sống gặp nhiều khó khăn. Phong tục tập quán và tín ngưỡng của người Mông khá độc đáo so với các dân tộc khác; người Mông theo tín ngưỡng đa thần, hình thức đám cưới, đám ma, cúng ma của người Mông phong phú nhưng cũng rất rườm rà và tốn kém.

Trong thời gian 20 năm trở lại đây, một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc chịu ảnh hưởng của đạo Tin lành (dưới các tên gọi Vàng Chử trong người Mông và Thìn Hùng trong người Dao) đã đặt ra vấn đề cần giải quyết đối với các cơ quan quản lý Nhà nước.

## II. QUÁ TRÌNH THÂM NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠO TIN LÀNH TẠI KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Trên thực tế đạo Công giáo và đạo Tin lành được truyền lên khu vực này từ khá lâu. Đạo Công giáo được truyền vào người Mông từ năm 1921, tới nay số người Mông theo Công giáo khá ổn định, chỉ tập trung ở một vài nơi như Sa Pa, Bắc Hà, Bảo Thắng... Đạo Tin lành được tổ chức CMA truyền vào Việt Nam năm 1911; đến năm 1930, CMA, Hội thánh Tin lành Việt Nam và một số tổ chức Tin lành khác đã tìm cách truyền đạo Tin lành lên các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc nhưng kết quả rất hạn chế. Họ chỉ thiết lập được một vài nhóm nhỏ rải rác trong người Thái ở Sơn La, người Mông ở Lào Cai, người Mường ở Hòa Bình... nhưng đến giai đoạn 1954 - 1975 những nhóm này đều tự tan rã và đến nay không còn dấu vết, chỉ có Hội thánh Tin lành Pháp lập được một nhóm khoảng vài trăm người Dao theo đạo Tin lành tại huyện Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn. Đến năm 1962 nhóm này chính thức trở thành một chi hội thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc). Như vậy việc truyền đạo Công giáo và Tin lành vào các dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã được tiến hành từ khá lâu nhưng không đạt được mấy kết quả.

Trong khoảng 20 năm trở lại đây, đạo Tin lành dưới tên gọi ban đầu là Vàng Chử, Thìn Hùng đã phát triển trong người Mông, người Dao; quá trình này có thể chia thành ba giai đoạn như sau:

### I. Giai đoạn từ năm 1986 đến năm 1990:

Một bộ phận người Mông được nghe chương trình giảng đạo qua sóng phát thanh bằng tiếng Mông của đài FEBC, năm 1986 *đạo Vàng Chử* xuất hiện đầu tiên tại tỉnh Hà Giang, sau đó năm 1987 *đạo Vàng Chử* phát triển tại một số điểm thuộc huyện Sông Mã tỉnh Sơn La, sau đó tiếp tục lan sang một số xã vùng cao thuộc các huyện Điện Biên, Tuần Giáo, Sìn Hồ, Mường Tè, Phong Thổ... tỉnh Lai Châu (cũ). Đến năm 1990, *đạo Vàng Chử* đã xâm nhập vào 164 xã thuộc 8 tỉnh miền núi phía Bắc có người Mông sinh sống là Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Thái (nay là Bắc Kạn và Thái Nguyên), Sơn La, Lai Châu (nay là Lai Châu và Điện Biên), Lào Cai và Yên Bái.

Trong lúc một bộ phận người Mông tự phát ~~đi tìm~~ tìm một tôn giáo mới, đạo

Tin lành đã khôn khéo lợi dụng những điểm tương đồng giữa các sự tích, nhân vật trong truyền thuyết của người Mông với những sự tích và nhân vật trong Kinh thánh để truyền đạo như hiện tượng *xung vua, đón vua...* đã đưa đến cho đồng bào Mông một thứ đạo Tin lành đã được dân tộc hóa, địa phương hóa: *đạo Vàng Chứ*.

Việc truyền đạo trong giai đoạn này diễn ra lén lút, bí mật chủ yếu thông qua các chương trình phát thanh của đài FEBC và sự rủ rê, lôi kéo của một số người Mông tại chỗ. Trong giai đoạn này tính chất Tin lành chưa thể hiện thật rõ ràng nên thường được gọi là *đạo Vàng Chứ*.

## 2. Giai đoạn từ năm 1991 đến năm 1992:

Năm 1991 một số người đứng đầu các điểm nhóm đã liên hệ với các nhà thờ Công giáo tại Yên Bái, Sơn Tây, Hà Nội. Tại đây họ được các linh mục hướng dẫn, giảng giải về giáo lý, lễ nghi và được cung cấp một số sách Kinh thánh. Do đó hầu hết số người Mông theo *đạo Vàng Chứ* chuyển sang theo đạo Công giáo.

Tuy nhiên sau một thời gian theo đạo Công giáo, họ phát hiện ra tín lý đạo Công giáo có những điểm không giống với những điều họ được nghe trên các chương trình phát thanh của các đài FEBC, Veritas... Mặt khác lễ nghi của đạo Công giáo quá phức tạp, rườm rà không phù hợp với người Mông mới theo đạo.

Đồng thời đài FEBC hướng dẫn họ liên hệ với Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) ở Số 2 Ngõ Trăm, Hà Nội. Họ đã cử người xuống trụ sở Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) nhờ giúp đỡ. Tại đây họ được các mục sư, truyền đạo hướng dẫn, giảng dạy cách thức hành đạo... Họ nhận thấy đạo Tin lành ngoài tính thiêng vừa đáp ứng được nhu cầu về tâm linh, vừa đơn giản, tiết kiệm phù hợp với cuộc sống của người Mông, tương ứng với những gì họ nghe được trên các chương trình phát thanh. Do đó số người Mông theo *đạo Vàng Chứ* trước đây lại chuyển từ đạo Công giáo sang đạo Tin lành.

## 3. Giai đoạn từ năm 1993 đến nay:

Từ năm 1993 số lượng người theo đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc có sự gia tăng đột biến. Đa số những người đứng đầu các điểm nhóm liên hệ chặt chẽ với Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc). Họ được cấp tài liệu, kinh sách, tài chính; được hướng dẫn, giảng giải về giáo lý, lễ nghi của đạo Tin lành một cách bài bản. Khi về địa phương, những người này tiến hành phân phát tài liệu, hướng dẫn sinh hoạt đạo cho đồng bào địa phương, lập danh sách những người theo đạo gửi kèm theo đơn xin gia nhập đạo Tin lành. Bên cạnh đó họ cũng được hướng dẫn nghe giảng đạo Tin lành bằng tiếng Mông qua đài, băng ghi âm... Đến năm 1994 đã có khoảng 40.000 người theo đạo Tin lành tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Từ năm 1995 đến nay đạo Tin lành không chỉ dừng lại ở dân tộc Mông, dân tộc Dao mà vẫn tiếp tục lan sang các dân tộc khác như Thái, Tày, Nùng, Sán Chỉ, Pà Thẻn, Hà Nhì, Mảng, Cờ Lao, La Hủ... Trước thực tế khách quan, một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, chủ yếu là người Mông chịu ảnh hưởng và từng bước tin theo một hình thức tôn giáo mới - đạo Tin lành, nhưng do chưa có chủ trương đầy đủ cho nên các địa phương vì yêu cầu ổn định đã có những ứng xử tình thế.

Mặt khác do trình độ dân trí hạn chế, việc hiểu đạo còn giản đơn, đa số những người đứng đầu điểm nhóm sinh hoạt đạo ở địa phương chưa hiểu rõ pháp luật, chưa thấy rằng việc sinh hoạt đạo của điểm nhóm phải tuân thủ quy định của pháp luật, của chính quyền. Mặt khác khi xuất hiện một hiện tượng, một hình thức tôn giáo mới đã tạo ra những xung đột văn hóa giữa cá nhân với cá nhân, nội bộ gia đình, dòng tộc, cộng đồng... Và các thế lực thù địch đã kích động vào một bộ phận đông bào Mông di cư tự do gây tác hại nhiều chiều cho xã hội.

Cùng với việc gia tăng về số lượng người theo đạo và mở rộng địa bàn ảnh hưởng, đạo Tin lành đã từng bước hình thành mô hình tổ chức. Ban đầu việc theo đạo chỉ mang tính tự phát, dần dần cùng với mối quan hệ với Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) tại các điểm nhóm đã hình thành các Ban Chấp sự, Ban Hiệp nguyện. Năm 2002-2003, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) đã đơn phương ra văn bản công nhận hơn 500 hội nhánh tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Ngoài Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), hiện nay một số hệ phái Tin lành có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã phát triển lên khu vực này như Liên hữu Cơ đốc, Phúc âm Toàn vẹn, Hội Truyền giảng Phúc âm, Cơ đốc Phục lâm...

Bên cạnh đó niềm tin tôn giáo của bộ phận đông bào theo đạo cũng ngày càng rõ nét, sự hiểu biết của đông bào về Kinh thánh cũng đã có những thay đổi đáng kể. Việc sinh hoạt đạo Tin lành đã trở thành một nhu cầu không thể phủ nhận được của một bộ phận đông bào theo đạo. Tại nhiều nơi sinh hoạt đạo Tin lành đã diễn ra định kỳ và công khai.

Hiện nay số lượng đông bào dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành ở khu vực miền núi phía Bắc ước tính khoảng 100.000 người (chiếm khoảng 15% tổng số người Mông) ngoài ra còn một bộ phận đông bào Mông di cư tự do vào Tây Nguyên và một số di cư sang Lào, Trung Quốc (riêng Tây Nguyên có 25.000 người Mông trong đó 20.000 người theo đạo Tin lành).

Việc đông bào dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc theo đạo Tin lành trong thời gian qua có một số đặc điểm cần lưu ý:

- Số người mới theo đạo Tin lành chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa (các thôn bản vùng cao xa xôi) trong các đối tượng quân chúng, kể cả những người có quá trình gắn bó với cách mạng, những cán bộ, đảng viên, thậm chí cả người là cấp uỷ, cán bộ chính quyền, đoàn thể.

- Đạo Tin lành phát triển với tốc độ nhanh trở thành một hiện tượng trong đông bào dân tộc thiểu số, đến nay mới chững lại nhưng chưa có dấu hiệu dừng lại. Tại các tỉnh miền núi phía Bắc, đạo Tin lành đã lan sang các dân tộc Sán Chỉ, Pà Thẻn, Cờ Lao...

- Việc truyền đạo Tin lành trong đông bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc đều trái phép nhưng được thực hiện dưới nhiều hình thức. Trước hết là những hoạt động truyền giáo từ bên ngoài (Philippines, Hongkong, Lào, Trung Quốc) vào nước ta qua các phương tiện như đài phát thanh, băng ghi âm, Kinh thánh, Thánh ca và văn hóa phẩm Tin lành gọi là truyền giáo gián tiếp qua một số tổ chức phi chính phủ nước ngoài và một số cá nhân, sau này được hỗ trợ bởi Tổng



hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) và một số tổ chức Tin lành trong nước.

- Việc truyền đạo và theo đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc theo đạo Tin lành đã gây ra những tác động tiêu cực nhất là trong vùng người Mông về kinh tế, văn hóa xã hội, tư tưởng như: đình trệ sản xuất, di dịch cư tự do, gây mất đoàn kết trong gia đình, làng bản, trong nội bộ người dân tộc... làm mất trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên cùng với sự tiếp thu đạo ngày càng đầy đủ, sinh hoạt đạo ngày càng ổn định, những tiêu cực bước đầu ngày càng giảm và những mặt tích cực, nhất là về tập quán, lối sống ngày càng bộc lộ rõ.

### III. NGUYÊN NHÂN CỦA VIỆC MỘT BỘ PHẬN ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC THEO ĐẠO TIN LÀNH

1. Đồng bào Mông sinh sống chủ yếu ở vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, điều kiện canh tác gặp nhiều khó khăn. Trong những năm giữa thập niên 1980, Nhà nước ta chuyển dần từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường, một số chính sách ưu đãi đối với đồng bào các dân tộc thiểu số trước đây không còn được thực hiện. Đời sống khó khăn đã tạo môi trường thuận lợi cho tôn giáo phát triển.

2. Dân tộc Mông nói riêng và các dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nói chung có tín ngưỡng truyền thống đơn giản, tuy nhiên phong tục tập quán lại rườm rà, lạc hậu có nơi còn mang tính mê tín dị đoan vừa tốn kém vừa cản trở sự phát triển. Tình trạng nghèo khó, dân trí thấp, tín ngưỡng đa thần sơ khai và phong tục tập quán có những điều, những mặt nặng nề, lạc hậu tốn kém, cộng với tâm lý, tình cảm của người Mông về quá khứ, hiện tại... là những điều kiện dễ tôn giáo mới thâm nhập. Trong khi đó đạo Tin lành có phương thức truyền giáo năng động, lễ nghi đơn giản, ít tốn kém nên dễ dàng thâm nhập; đồng thời đạo Tin lành cũng có một số ưu điểm như hạn chế uống rượu, hút thuốc lá, ngoại tình... nên cũng dễ thu hút người theo.

Bên cạnh đó đạo Tin lành triệt để khai thác những tương đồng về văn hóa giữa lịch sử của người Mông và Kinh thánh. Họ đã "Mông hóa" những nhân vật, sự tích trong Kinh thánh. Đối với người Mông việc theo đạo Tin lành vừa là tiếp thu cái mới vừa có sự gần gũi, quen thuộc nên rất dễ tiếp nhận. Đây cũng là lý do giải thích vì sao đạo Tin lành dễ hòa nhập vào người Mông, người Dao hơn vào các dân tộc thiểu số khác trong khu vực.

3. Hệ thống chính trị ở khu vực miền núi phía Bắc nhìn chung còn mỏng, yếu và kém hiệu lực, trình độ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, chỉ bộ Đảng và đảng viên chưa nắm chắc được quần chúng. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở nhiều nơi chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới của công tác vận động quần chúng, chưa sát dân, vận động quần chúng thiếu hiệu quả. Thực tế cho thấy đạo Tin lành phát triển mạnh ở những nơi hệ thống chính trị của ta còn yếu, ở những nơi hệ thống chính trị của ta vững mạnh thì đạo Tin lành khó xâm nhập



hơn.

Ngoài ra do việc đạo Tin lành xâm nhập và phát triển là vấn đề mới nên các địa phương còn bị động, lúng túng trong việc xử lý. Các biện pháp để xử lý vấn đề còn chưa đồng bộ, chưa nhất quán, nặng về các biện pháp xử lý hành chính như cấm đoán, ép bỏ đạo. Những biện pháp này đã gây phản cảm trong quần chúng, dẫn đến sự cố kết trong nội bộ những người theo đạo; đồng thời cũng tạo cơ cho những thế lực thù địch ở ngoài nước vu cáo Nhà nước ta vi phạm tự do tôn giáo.

4. Đạo Tin lành là một tôn giáo có phương thức sinh hoạt đơn giản, gọn nhẹ thích hợp với những người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đạo Tin lành truyền vào khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc trước hết thông qua chương trình phát thanh của các đài FEBC, Veritas, Nguồn sống... Việc dùng các phương tiện truyền thông hiện đại giúp họ có thể tiếp cận được các vùng sâu, vùng xa mà các phương tiện thông thường không tiếp cận được. Đồng thời đạo Tin lành đã rất chú trọng đến việc dịch các tài liệu Kinh sách cũng như thực hiện các chương trình truyền thanh bằng tiếng dân tộc. Chính điều này đã giúp đạo Tin lành dễ dàng tiếp cận với đồng bào các dân tộc thiểu số, và những cộng đồng dân tộc ấy có đời sống văn hóa tinh thần nói chung còn nghèo nàn.

Các chương trình phát thanh cũng rất năng động, thường xuyên thay đổi nội dung cho phù hợp với mức độ nhận thức của người nghe. Bên cạnh đó, Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) và một số tổ chức Tin lành khác cũng rất tích cực trong việc cung cấp tài liệu, tài chính và hướng dẫn những người đứng đầu các điểm nhóm trong việc thực hiện các sinh hoạt tôn giáo, xây dựng cơ cấu tổ chức. Các tổ chức phi chính phủ (viết tắt là NGO), các khách du lịch cũng rất tích cực, tranh thủ mọi cơ hội để tiến hành hoạt động truyền đạo.

5. Việc truyền đạo Tin lành trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc cũng là một trong số những vấn đề mà các thế lực thù địch âm mưu lợi dụng để phục vụ mục đích chính trị của họ. Họ đã thành lập một số tổ chức để hỗ trợ việc truyền đạo Tin lành vào các dân tộc thiểu số ở nước ta và thông qua sóng phát thanh cùng với nội dung giảng đạo là xuyên tạc, nói xấu Nhà nước ta, kích động người Mông, Dao di dịch cư tự do, hoặc xúi dục họ chống đối lại Nhà nước...

Trong suốt quá trình lịch sử, các nguyên nhân kể trên luôn tồn tại nhưng với mức độ khác nhau. Chỉ có sự kết hợp tất cả các nguyên nhân kể trên mới lý giải được hiện tượng gia tăng đột biến số người theo đạo Tin lành ở khu vực miền núi phía Bắc trong thời gian gần đây. Từ việc nhận thức các nguyên nhân chủ quan và khách quan nêu trên cho thấy để giải quyết vấn đề một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành cần phải có giải pháp tổng thể, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - an ninh - quốc phòng - tôn giáo - dân tộc, đồng thời đây cũng không phải là nhiệm vụ của riêng một cấp, một ngành mà cũng là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị.

#### IV. KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI ĐẠO TIN LÀNH Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG THỜI GIAN QUA

1. Từ thực tiễn hôm nay, nhìn lại chúng ta thấy khi xuất hiện hiện tượng một bộ phận đông bào dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc theo đạo Tin lành, do đây là vấn đề mới nên trong thời gian đầu cấp uỷ và chính quyền các tỉnh trong khu vực còn ngỡ ngàng, lúng túng và chưa dành sự quan tâm, chú ý đúng mức.

Trong thời gian tiếp theo (giai đoạn 1992 - 1993), vấn đề truyền đạo và theo đạo Tin lành đã được quan tâm, chú ý hơn, lần lượt các tỉnh đều ra các chỉ thị, nghị quyết về công tác tôn giáo. Tuy nhiên quan điểm chung của cấp uỷ, chính quyền các tỉnh hữu quan đều khẳng định *"vấn đề truyền đạo và học đạo trái phép ở một bộ phận đông bào các dân tộc thiểu số có nguyên nhân của việc dịch lợi dụng và nằm trong âm mưu diễn biến hòa bình của Mỹ"*. Vì vậy các biện pháp được thực hiện chủ yếu là hạn chế sự phát triển tự phát của đạo Tin lành trong đông bào dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc.

2. Từ năm 1994 trở lại đây, các địa phương đã quan tâm đến việc phát triển kinh tế, văn hóa trong vùng đông bào dân tộc thiểu số thông qua các chương trình, dự án, cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần của quần chúng nhân dân. Đồng thời cấp uỷ, chính quyền các cấp đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt cho đội ngũ cán bộ về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo nói chung và đối với đạo Tin lành nói riêng. Sau 5 năm thực hiện, các địa phương đã thành lập các tổ công tác xuống các thôn bản vận động quần chúng trở về với tín ngưỡng truyền thống, xử lý những người truyền đạo trái phép và giải tán các tổ chức đạo ở cơ sở. Bước đầu công tác này cũng có kết quả, phần nào hạn chế sự lan rộng của đạo Tin lành và một số lượng nhất định người đã tự nguyện bỏ đạo. Tuy nhiên ở một số nơi, việc vận động thực chất là ép quần chúng bỏ đạo bằng các biện pháp hành chính như phạt tiền, bắt ký cam kết bỏ đạo. Những biện pháp này đã gây phản cảm trong bộ phận quần chúng theo đạo, tạo ra sự chia rẽ giữa quần chúng theo đạo với chính quyền. Trên thực tế việc truyền đạo vẫn diễn ra và không được ngăn chặn một cách có hiệu quả, số lượng người theo đạo vẫn có xu hướng tăng; bộ phận cam kết bỏ đạo có người lén lút theo đạo trở lại, có người di cư đi nơi khác.

Vấn đề tồn tại cơ bản hiện nay trong công tác tôn giáo là nhận thức của một bộ phận cán bộ vẫn gắn hoàn toàn vấn đề truyền đạo và theo đạo Tin lành với âm mưu của các thế lực thù địch; chưa phân biệt được hoạt động truyền đạo và theo đạo, nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng và hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo của các phần tử phản động; chưa thấy được nguyên nhân chủ quan lẫn nguyên nhân khách quan của việc một bộ phận quần chúng theo đạo Tin lành. Từ nhận thức đó dẫn đến khi thực hiện việc vận động quần chúng bỏ đạo, các biện pháp được thực hiện đều mang tính hành chính, cưỡng ép người dân bỏ đạo nên đem lại kết quả thấp, đồng thời còn gây dư luận xấu trong và ngoài nước tạo điều kiện cho các thế lực phản động lợi dụng để chống phá Nhà nước ta.

## V. NỘI DUNG CÔNG TÁC ĐỐI VỚI ĐẠO TIN LÀNH Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG THỜI GIAN TỚI

Thực hiện Nghị quyết 25/NQ-TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác tôn giáo, Chỉ thị 01/2005/CT-TTg ngày 4/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành, trong đó Điểm 5 của Chỉ thị ghi rõ "Đối với số đông bào ở miền núi phía Bắc mới theo đạo Tin lành và có nhu cầu tín ngưỡng thực sự, trước mắt hướng dẫn cho đông bào sinh hoạt tôn giáo tại gia đình, hoặc nơi nào có nhu cầu thì hướng dẫn cho đông bào đăng ký sinh hoạt đạo ở địa điểm thích hợp tại bản, làng, Khi hội đủ các điều kiện thì tạo điều kiện thuận lợi cho đông bào sinh hoạt tôn giáo bình thường theo quy định của pháp luật. Đối với bộ phận đông bào đã theo đạo, nay có nhu cầu trở lại với tín ngưỡng truyền thống của dân tộc mình, cần tạo điều kiện giúp đỡ để đông bào thực hiện ý nguyện đó". Ban Tôn giáo Chính phủ xây dựng kế hoạch công tác quản lý Nhà nước đối với đạo Tin lành ở khu vực miền núi phía Bắc cụ thể như sau:

### 1. Mục đích:

- Thống nhất nhận thức, đánh giá đúng thực trạng và cách giải quyết vấn đề đạo Tin lành trong vùng đông bào dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc một cách khách quan, toàn diện.

- Từng bước đưa sinh hoạt đạo Tin lành trong vùng đông bào dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc vào quản lý theo pháp luật, nhằm giải quyết nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng; đảm bảo quyền theo hoặc không theo tôn giáo của đông bào các dân tộc thiểu số và kiên quyết khắc phục tình trạng phát triển không bình thường, tự phát của đạo Tin lành trong vùng.

- Ngăn chặn và làm thất bại âm mưu lợi dụng đạo Tin lành của các thế lực thù địch trong và ngoài nước chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước ta, góp phần giữ vững sự ổn định, tạo tiền đề phát triển toàn diện khu vực miền núi phía Bắc.

### 2. Nội dung:

a. *Một là* tổ chức quán triệt các chủ trương chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước và triển khai kế hoạch công tác quản lý Nhà nước đối với đạo Tin lành ở khu vực miền núi phía Bắc trong cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận, các ban, ngành, đoàn thể quần chúng ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc. Nội dung gồm:

- Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo nói chung và đạo Tin lành trong vùng đông bào dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc nói riêng (gồm các Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước) nhằm tạo ra sự thống nhất trong hệ thống chính trị.

- Trên cơ sở quán triệt những chủ trương của Trung ương và căn cứ thực tiễn, địa phương xây dựng kế hoạch công tác tôn giáo trong đó có công tác quản lý Nhà nước đối với đạo Tin lành. Triển khai kế hoạch công tác đối với đạo Tin lành ở khu vực miền núi phía Bắc, trọng tâm là khảo sát, phân loại và hướng dẫn trình tự thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo với chính quyền cơ sở.

- Trong kế hoạch công tác, đề nghị các địa phương quan tâm giúp đỡ,

hướng dẫn những đồng bào có nguyện vọng trở lại tín ngưỡng truyền thống.

**b. Hai là công tác tuyên truyền vận động**

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động đồng bào giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, loại bỏ phong tục tập quán lạc hậu, đồng thời đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống, dân trí cho đồng bào, nhằm giải quyết căn bản nguyên nhân sự phát triển không bình thường của đạo Tin lành.

**c. Ba là khảo sát thực trạng**

Điều tra khảo sát thực trạng tình hình đạo Tin lành ở những địa bàn có đồng bào theo đạo. Cần tập trung vào các nội dung chính sau:

- Xác định số thôn, bản, số người chịu ảnh hưởng của đạo Tin lành; mức độ ảnh hưởng, tính ổn định của điểm nhóm, số người đứng đầu điểm nhóm, những người truyền đạo...

Trên cơ sở đó, phân loại thành 3 nhóm sau:

+ *Nhóm 1: Những nơi có thời gian theo đạo Tin lành tương đối lâu, đồng bào thực sự có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, hiểu biết nhất định về giáo lý, lễ nghi, sinh hoạt tôn giáo thường xuyên.*

+ *Nhóm 2: Những nơi theo đạo Tin lành nhưng đức tin của đồng bào chưa sâu sắc, nhận thức về giáo lý không rõ ràng, sinh hoạt tôn giáo không thường xuyên.*

+ *Nhóm 3: Những nơi mới theo đạo Tin lành thời gian gần đây.*

**d. Bốn là hướng dẫn đồng bào theo đạo Tin lành tại các thôn, bản thuộc nhóm 1 đăng ký sinh hoạt tôn giáo (sinh hoạt đạo) tại điểm nhóm với chính quyền cơ sở.**

- *Điều kiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo điểm nhóm:*

+ *Đồng bào theo đạo Tin lành tại các thôn, bản thuộc nhóm 1;*

+ *Người đứng đầu điểm nhóm Tin lành (thôn, bản) là người địa phương, tư cách công dân tốt.*

- *Quy mô của điểm nhóm: Điểm nhóm được thành lập theo đơn vị thôn (bản).*

- *Nội dung đăng ký gồm: Tên điểm nhóm, địa điểm, phạm vi sinh hoạt tôn giáo, nội dung sinh hoạt tôn giáo, lịch sinh hoạt tôn giáo theo tuần, tháng, năm; người đứng đầu điểm nhóm; người hướng dẫn việc đạo; số lượng người tham gia sinh hoạt tôn giáo tại thời điểm đăng ký; dự kiến tổ chức Tin lành, hệ phái Tin lành xin gia nhập; cam kết sinh hoạt tôn giáo theo pháp luật và nội dung đăng ký.*

- *Thủ tục đăng ký và công tác quản lý:*

+ *Thủ tục đăng ký gồm: Danh sách người theo đạo Tin lành trong thôn (bản) được trưởng thôn (bản) xác nhận; đơn xin đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo điểm nhóm như nói ở trên (có mẫu đăng ký kèm theo); bản cam kết của chủ hộ*

cho mượn nhà riêng làm nơi sinh hoạt điểm nhóm.

+ Công tác quản lý: Căn cứ vào tình hình thực tế, việc đăng ký các điểm nhóm được tiến hành ở cả hai cấp xã và huyện. UBND cấp xã là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo điểm (nhóm), UBND cấp xã nơi có điểm nhóm là cơ quan quản lý trực tiếp sinh hoạt tôn giáo của điểm nhóm.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận, các điểm nhóm Tin lành được đảm bảo sinh hoạt tôn giáo theo pháp luật Việt Nam và nội dung đăng ký. Hàng năm, người đứng đầu điểm nhóm có trách nhiệm đăng ký chương trình sinh hoạt tôn giáo với Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi có điểm nhóm.

Chú ý, chưa đặt vấn đề xây dựng nơi thờ tự đối với các điểm nhóm. Vấn đề này sẽ giải quyết sau khi thiết lập về mặt tổ chức với một tổ chức Tin lành đã được Nhà nước công nhận và hội đủ điều kiện theo pháp luật.

\* Đối với các nhóm còn lại:

- Đối với nhóm 2, trước mắt tiếp tục vận động đồng bào trở lại tín ngưỡng truyền thống, trong những trường hợp đã qua vận động nhiều lần nhưng không trở lại tín ngưỡng truyền thống thì hướng dẫn đồng bào sinh hoạt tôn giáo tại gia đình.

- Đối với nhóm 3, kiên trì vận động, thuyết phục đồng bào trở lại tín ngưỡng truyền thống.

e. Năm là đối với những người đứng đầu các điểm nhóm Tin lành

- Rà soát, thống kê số người đứng đầu các điểm nhóm theo đạo Tin lành và phân loại như sau:

+ Số có thái độ tuân thủ chính quyền và pháp luật, đủ tư cách công dân, trước hết giúp đỡ để trở thành Trưởng nhóm. Về lâu dài, tạo điều kiện để được đào tạo thành chức sắc tại tổ chức Tin lành hợp pháp.

+ Số có thái độ chống đối, cương quyết đấu tranh và xử lý nghiêm, thông báo công khai cho đồng bào biết rõ về những hoạt động chống phá đất nước, chia rẽ dân tộc và những hành vi vi phạm pháp luật của họ.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

### 1. Ban Tôn giáo Chính phủ và các địa phương thực hiện:

Để thực hiện chủ trương của Trung ương, Ban Tôn giáo Chính phủ phối hợp với các ngành chức năng ở Trung ương và các địa phương xây dựng kế hoạch chỉ đạo điểm.

Trước hết, mỗi tỉnh chọn ít nhất 2 điểm nhóm ở những thôn bản có đông người theo đạo, đủ điều kiện để đăng ký sinh hoạt đạo với chính quyền cơ sở. Thực hiện thí điểm sau đó đánh giá, rút kinh nghiệm, triển khai trên diện rộng.

### 2. Các bước thực hiện:

Tập trung giải quyết trong năm 2006. Cụ thể như sau:

*-Bước 1: Hoàn thành các khâu chuẩn bị (kế hoạch, biểu mẫu, trình tự thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo điểm nhóm, tài liệu tuyên truyền...) và tổ chức triển khai, quán triệt Kế hoạch ở cấp Trung ương và Lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh của các địa phương.*

*+ Các địa phương xây dựng kế hoạch;*

*+ Tổ chức tập huấn nhằm quán triệt chủ trương, chính sách và Kế hoạch công tác đối với đạo Tin lành cho cán bộ chủ chốt ở địa phương;*

*+ Các địa phương rà soát phân loại thôn (bản) theo đạo Tin lành, người đứng đầu các điểm nhóm theo đạo Tin lành tại các thôn, bản theo tiêu chí đã nêu ở trên và biểu mẫu kèm theo. Trên cơ sở này, xác định thôn, bản thuộc nhóm I để chuẩn bị cho việc hướng dẫn đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo điểm nhóm.*

*-Bước 2: Một số địa phương triển khai chỉ đạo điểm việc hướng đồng bào đăng ký sinh hoạt đạo Tin lành ở một số thôn bản theo điểm nhóm với chính quyền cơ sở. Xem xét và cấp giấy chứng nhận sinh hoạt tôn giáo hàng năm theo điểm nhóm;*

*-Bước 3: Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm triển khai thí điểm ở từng địa phương.*

*+ Tiếp tục hướng dẫn các thôn, bản đủ điều kiện đăng ký sinh hoạt đạo Tin lành theo điểm nhóm với chính quyền cơ sở.*

*-Bước 4: Tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm trên toàn khu vực, đồng thời lập kế hoạch triển khai giai đoạn tiếp theo.*

## **VII. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

1- Chủ trương nhìn nhận nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của bộ phận đông bào các dân tộc thiểu số, chủ yếu là đồng bào H'mông theo đạo Tin lành, từ đó có giải pháp và bước đi phù hợp nhằm đưa vào quản lý theo pháp luật là một chủ trương rất mới và rất lớn của Đảng và Nhà nước ta. Do vậy, việc *quán triệt chủ trương chính sách* là việc đầu tiên, rất quan trọng nhằm tạo ra sự thống nhất trong cấp uỷ Đảng, chính quyền, mặt trận, ban, ngành đoàn thể các cấp (từ Trung ương tới cơ sở).

2- Chú ý làm tốt công tác tư tưởng đối với đại bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số chưa chịu ảnh hưởng đạo Tin lành, nhất là số cán bộ cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể, già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ các dân tộc thiểu số có người theo đạo Tin lành,... tránh tạo tâm lý thất vọng và nhận thức sai lệch cho rằng Nhà nước công nhận sinh hoạt đạo Tin lành của một bộ phận đồng bào là phủ nhận truyền thống văn hoá của dân tộc đó; không để xảy ra xung đột tôn giáo trong dân tộc, xung đột giữa bộ phận theo đạo và bộ phận không theo đạo.

3- Tôn giáo trong vùng đông bào dân tộc thiểu số là vấn đề hết sức nhạy cảm; quá trình giải quyết vấn đề đạo Tin lành trong vùng đông bào dân tộc thiểu



số khu vực miền núi phía Bắc cần chú ý phân biệt hoạt động truyền đạo và theo đạo, phân biệt rõ nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo thuần túy của đồng bào với âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch.

4- Quá trình công nhận và đưa sinh hoạt tôn giáo của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc vào quản lý theo pháp luật, cần thận trọng, linh hoạt, có bước đi thích hợp, thực hiện thí điểm, sau đó đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm về mọi mặt mới nhân dần ra diện rộng. Kiên quyết đấu tranh, xử lý bằng pháp luật những cá nhân lợi dụng vấn đề đạo Tin lành, Động viên và phát huy vai trò của đội ngũ già làng, trưởng bản, trưởng dòng tộc, cán bộ cốt cán... trong việc gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ pháp luật; cũng như việc bảo hộ theo pháp luật quyền được sinh hoạt tôn giáo của một bộ phận đồng bào

5- Tăng cường công tác tuyên truyền đối ngoại về tôn giáo để thế giới hiểu đúng về tình hình tôn giáo ở Việt Nam nói chung, tình hình đạo Tin lành ở khu vực miền núi phía Bắc nói riêng, chống lại những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch trong việc lợi dụng vấn đề tôn giáo và nhân quyền để chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

6- Đối với những nơi chưa tiến hành chỉ đạo điểm, đồng bào theo đạo Tin lành được sinh hoạt tại gia đình. Nếu đồng bào có nguyện vọng, nhu cầu đăng ký sinh hoạt đạo thì xem xét hướng dẫn động viên điểm nhóm giữ nguyên hiện trạng, chuẩn bị các điều kiện để xem xét giải quyết vào thời điểm thích hợp.

7- Đề nghị các ban ngành, đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc... các cấp tăng cường công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị và cốt cán trong đồng bào theo đạo ở những điểm nhóm đã đăng ký và ở những điểm nhóm mở rộng trong thời gian sắp tới.

8- Quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, chú ý thực hiện tốt cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành chức năng liên quan và giữa các cấp với nhau. Nếu có vấn đề phức tạp, hoặc mới phát sinh, các tỉnh cần báo cáo kịp thời về Ban Chỉ đạo Tây Bắc và Ban Tôn giáo Chính phủ.

9- Kết quả triển khai kế hoạch định kỳ 03 tháng một lần, các địa phương báo cáo về Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Ban Tôn giáo Chính phủ. Duy trì giao ban chuyên môn theo quý, dưới hình thức luân phiên theo từng địa phương./.

6

6

6

DRAFT

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom – Happiness

APPLICATION FORM FOR A LOCAL CHURCH TO  
REGISTER RELIGIOUS ACTIVITIES

TO: PEOPLE'S COMMITTEE of commune (ward or city) .....,

.....  
DOB.....  
Name..... Also known as  
ID Card no.....issued on ...../...../.....by .....

Ethnic minority .....  
Educational level .....  
Place of origin.....  
Current residence.....

Leader of Protestant believers in the hamlet or village of .....  
registering a local congregation with local government authorities, as follows:

1. Name of meeting place (congregation)  
.....
2. Location of meeting (1)  
.....
3. Area of activity (2)  
.....
4. Name of person loaning their home for religious activities:.....  
DOB .....  
ID card number.....  
Ethnic identity.....
5. Name of person preaching religion.....  
DOB.....  
ID card number.....  
Ethnic identity .....
6. The number of people participating in religious activities at the time of registration: ....., and number of family residence certificates.....
7. Followers of which Protestant denomination (3)  
.....

8. Schedule of religious activities (4)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

9. Pledge: to carry out orthodox (pure) religious activities as described above and to abide by all the provisions of the laws of the State; not to listen to the enticements of the bad elements, not to disturb public order, nor divide the national unity. . . If we do not do things according to what we have hereby registered and pledged, we ask to bear full responsibility according to the law.

Attached must be:

- a list of the names of all the Protestant believers of the congregation in this location.
- an agreement signed by the owner loaning his house for religious activities.

Day.....Month.....Year

On behalf of the congregation  
(meeting place)  
The leader of the congregation

Full name:.....  
Signature.....

Notes:

- (1) Clearly describe the meeting place, whether a private home or elsewhere.
- (2) Clearly identify the area of religious activity by name of village or hamlet, commune, district and province.
- (3) Clearly identify the name of the Protestant organization followed by the people of the hamlet or village. If not clear, say "not clear".
- (4) Clearly spell out the schedule of activities by week, month, and year giving the specific content of each event, such as reading the Bible, praying, hearing the preaching of the Word, singing holy songs, or other religious activities.

SAMPLE FORM

Form 2: GSNDKSHTG

DRAFT

People's Committee of Commune (ward or city)

No: GCN/UB

SRVN

Independence-Freedom-Happiness

Day.....Month.....Year.....

ANNUAL CERTIFICATE TO CARRY ON RELIGIOUS ACTIVITIES FOR A  
MEETING PLACE (CONGREGATION)

PEOPLE'S COMMITTEE OF .....COMMUNE (WARD, OR CITY)

Based on Instruction no. 01/2005/CT-TTg, of 12/14/2005 of the Prime Minister of  
the Government *concerning a number of tasks concerning the Protestant religion;*

On examination of the application for religious activities of the meeting place  
.....lead by (Mr. or Mrs. ....)

We hereby grant this certificate for religious activities to:

- + Name of the congregation .....
- + Location of the activities .....
- + Area of activities.....
- + Number of participants in religious activities at the time of this registration .....
- + Content of religious activities: Protestant religion, .....organization. (1)
- + Full name of person leading the congregation.....

Is permitted to carry our religious activities according to the law and as registered./.

Chairman

People's Committee of.....Commune (or  
ward of city)

(name, signature and seal)

Distribution:

- The congregation .....(2)
- Mr..... (leader of the congregation)
- Hamlet or Village chief where the religious  
activities of the congregation take place.....
- File.....

Notes:

- (1) Write clearly as the application states, and if not clear say so.
- (2) Write clearly the name of the congregation/meeting place.

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

AGREEMENT TO ALLOW THE USE OF ONES' HOUSE  
( for religious activities )

Note: This heading was handwritten as a third sample form in the copy of the training document acquired)